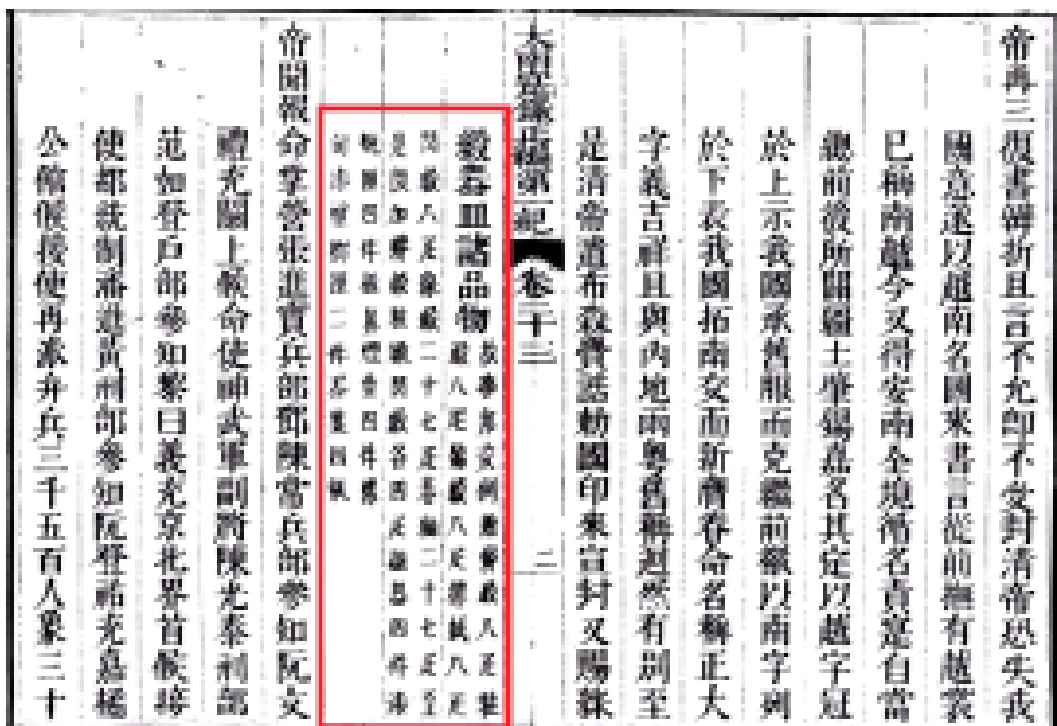


TỊ YÊN HỒ (鼻煙壺)

Nguyễn Duy Chính*

Mở đầu

Đại Nam thực lục, quyển XXIII, trang 2b có chép một ghi chú chữ nhỏ về tặng phẩm mà vua Gia Khánh sai sách sứ Tề Bồ Sâm mang sang đầu đời Gia Long. Ghi chú đó như sau: 故事邦交例贈蟒緞八疋, 粧緞八疋, 錦緞八疋, 獐絨八疋, 閃緞八疋, 線緞二十七疋, 春紬二十七疋。至是復加蟒緞, 粧緞, 閃緞各四疋, 磁器四件, 漆桃匣四件, 磁鼻煙壺四件, 螺甸漆檳榔匣二件, 茶葉四瓶。



Theo lệ bang giao cũ [nhà Thanh] tặng cho mãng đoạn (8 tấm), trang đoạn (8 tấm), cảm đoạn (8 tấm), chương nhung (8 tấm), thiểm đoạn (8 tấm), tuyến đoạn (27 tấm), xuân trùu (27 tấm). Đến nay lại tặng thêm mãng đoạn, trang đoạn, thiểm đoạn (mỗi thứ 4 tấm), đồ sứ (4 món), hộp sơn mài hình quả đào (4 món), tị yên hồ (4 món), hộp trâu cau sơn khảm xà cừ (2 cái), trà lá (4 bình).

Quà tặng của nhà Thanh được quy định chặt chẽ trong điển lệ, và đây đều là những món thông thường cho bất cứ phiên thuộc nào nên không cần bàn đến. Chỉ có những trường hợp hết sức đặc biệt vua Thanh mới ban phát riêng những món ngoài lệ thường mà chúng ta thấy trong trường hợp vua Càn Long ban cho vua Quang Trung như noãn ngọc

* California, Hoa Kỳ.

(ngọc cầm tay cho ấm), hà bao (túi gấm), bát bảo (tám món ngọc, vàng, bạc), ngự thi hay chữ Phúc do chính tay nhà vua viết... Những ân điển bất thường ấy cần những biên khảo riêng để trình bày cho cận kề¹.

Thế nhưng trong những thứ nhà Thanh ban cho vua Gia Long có một món gọi là “tị yên hồ” (鼻煙壺) mà các học giả của Viện Sử học đã dịch là “*điều sứ hút thuốc*”². Dịch như thế chúng ta dễ nhầm với các loại điều bát mà các cụ xưa nhà nào hầu như cũng có. Thực ra, tị yên hồ là bình nhỏ đựng thuốc ngửi và tập tục dùng “tị yên hồ” của người Trung Hoa thời Minh - Thanh không lưu truyền ở nước ta (dù chỉ thu hẹp trong một tầng lớp quyền quý nhỏ) khiến chúng ta không thể hình dung được một cách chính xác³.

Theo các nhà nghiên cứu, việc sử dụng thuốc ngửi đã thông dụng từ trước khi người Mãn Châu làm chủ Trung Hoa. Đến đời Khang Hy (làm vua từ 1662 đến 1722) việc sản xuất bình ngửi trở nên phát triển và hình dáng, phẩm chất cũng trở nên đa dạng.

Thoạt đầu bình ngửi được sản xuất tại Bắc Kinh nhưng về sau triều đình giao cho ba tỉnh Giang Ninh, Tô Châu, Hàng Châu chuyên sản xuất cho cung vua những hàng nhật dụng, kể cả vải vóc, tị yên hồ, triều châu... để hoàng đế dùng làm vật ban thưởng, số lượng xuất nhập và sổ sách giao cho Nội vụ phủ trông nom.

Các sứ thần khi đến triều cống thường được thưởng những chiếc bình nho nhỏ này. Loại bình quý giá nhất được tạc bằng ngọc (jade hay nephrite), thủy tinh, hay bằng sứ, chế tạo thành từng bộ 10 cái đựng trong hộp (Hình 1).

Thủy tinh thời Thanh đã phát triển thành một kỹ nghệ độc đáo. Vua Khang Hy thành lập một xưởng đúc thủy tinh, dưới quyền giám sát của giáo sĩ dòng Jesuit tên là Kilian Stumpff, vốn là một kỹ sư rành nghề



Hình 1: Các loại bình nhỏ bằng ngọc, thủy tinh và sứ thường ban cho sứ thần đến triều cống

¹ Xem thêm “Tặng phẩm ngoại giao của Thanh triều”, “Cung ứng phái đoàn Tây Sơn”... của Nguyễn Duy Chính.

² *Lệ bang giao cũ tặng đoạn măng (đoạn thêu rồng 4 móng) 8 tấm, đoạn mỡ 8 tấm, đạo [đoạn] gấm 8 tấm, nhung dài lông 8 tấm, đoạn bóng 8 tấm, đoạn tơ 27 tấm, trừu mùa xuân 27 tấm. Đến nay lại thêm đoạn măng, đoạn mỡ, đoạn bóng mỗi thứ 4 tấm, đồ sứ 4 cái, hộp quả đào sơn 4 cái, điều sứ hút thuốc 4 cái, quả trầu sơn khảm ốc 2 cái, là chè 4 bình. Đại Nam thực lục, tập I, Tờ Phiên dịch Viện Sử học (Giáo Dục: 2002), tr. 581.*

³ Theo *Khâm định Đại Thanh hội điển sự lệ*, quyển 506-509, Lễ Bộ, Triều cống, thì lần đầu tiên nước ta được ban thưởng tị yên hồ là đời Lê Hiên Tông, năm Càn Long 49 nhân dịp vua Cao Tông nam tuần, sứ thần An Nam đến yết kiến. Việc ban thưởng bình ngửi thông dụng nhất là những năm triều Tây Sơn.

và khéo léo. Kỹ thuật đúc, pha màu và điêu khắc trên thủy tinh đã đạt mức tinh thực. Từ thủy tinh những nhà truyền giáo đem áp dụng những khám phá mới của họ - chiều theo sở thích của người Trung Hoa, nhất là giai cấp quý tộc - sang lãnh vực tráng men kim loại. Dưới sự chỉ đạo của họa sĩ lừng danh Castiglione (Lang Thế Ninh) và hai nhà truyền giáo khác là Attiret và Gravelleau, kỹ thuật tráng men lên đồng và thủy tinh đã lên đến cao điểm vào đời Càn Long.

Lẽ dĩ nhiên, việc chế tạo bình ngửi không bỏ qua những vật liệu thiên nhiên như ngà, mã não, gỗ, sơn mài... nên tới cuối thế kỷ XVIII thì việc dùng thuốc ngửi trở thành một “mốt” của các nhà quyền quý. Một trong những nghệ thuật trang trí cái lọ nho nhỏ này được nhiều người ưa thích là việc dùng bút đưa vào cổ chai để vẽ bên trong bình (內畫鼻煙壺: *nội họa tị yên hồ*). Bức vẽ đó có thể là một bức tranh nhỏ li ti hay khuôn mặt một danh nhân. Nghệ thuật này khởi thủy từ đầu thế kỷ XIX nhưng đạt đỉnh cao của nó vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Biên khảo này chỉ là một bài viết đánh dấu những ngày cuối năm. Người viết không sưu tầm đồ cổ nên không quen thuộc với những từ chuyên môn của người chơi cổ ngoạn. Những từ sử dụng trong bài là âm Hán Việt dịch theo một số văn bản chữ Hán và dựa vào cuốn tự điển *Modern English-Chinese Encyclopedia Dictionary* (科學名詞大辭典)⁴.

1. Lịch sử

Trung Hoa vốn không có chính sách ngoại thương mà phần lớn buôn bán với bên ngoài là hoạt động bất hợp pháp do những nhóm buôn lậu và cướp biển tuồn vào. Từ những hoạt động “xã hội đen” đó một số sản phẩm đã du nhập vào Trung Hoa để trở thành một nhu cầu chính yếu trong sinh hoạt hàng ngày. Đó là khởi thủy của một số cây cỏ mà hiện nay người ta không mấy người biết đến xuất xứ của chúng.

Theo Iain Gatley trong tác phẩm *Tobacco - A Cultural History of How an Exotic Plant Seduced Civilization* (New York: Grove Press, 2001) thì thực vật trong họ *Nicotiana rustica* và *Nicotiana tabacum* đã xuất hiện trên lục địa Mỹ châu khoảng 18.000 năm trước cùng với nhiều loại cây khác như khoai (potatoes), cà (tomatoes), cao su (rubber), sô-cô-la (chocolate) và bắp (maize). Thực vật họ *Nicotiana* chính là cây thuốc (lá) mà người ta dùng lá thái nhỏ để làm thuốc hút như ta thấy ngày nay. Cũng theo Iain Gatley, khi Christopher Columbus đến Mỹ châu năm 1492 thì cây thuốc lá đã có khắp châu lục và cả những hòn đảo ngoài khơi như Cuba. Việc trồng các cây thuốc (tobacco plant) này có thể đã bắt đầu từ 5000-3000 năm trước Công nguyên⁵.

Nhiều thế kỷ trước khi người Âu châu đến, cây thuốc lá đã là giống cây bản địa và thổ dân Mỹ châu đã có thói quen hút thuốc (smoked) hay nghiền thành bột, trộn với các hương vị khác để hít vào mũi (sniffed).

⁴ Liêu Văn Sinh (廖文生), Cao Vĩnh Tùng (高永松), Lý Khải Bằng (李啓鵬), Hạ Tuấn Ngạn (夏俊彥) hợp dịch. *Modern English-Chinese Encyclopedia Dictionary. Khoa học danh từ đại từ điển* (科學名詞大辭典). Đài Bắc: Ngũ Châu xuất bản xã, 1972.

⁵ Gatley. Sđd, tr. 2-3.

Khi người Âu châu chinh phục được châu Mỹ, thuốc lá (tobacco) được sử dụng dưới ba dạng thức: thuốc hút, thuốc nhai và thuốc ngửi. Hít thuốc bột mau chóng trở thành một tập quán của giới quyền quý, không phải chỉ quý ông mà cả quý bà vì người ta cho rằng việc “hít thuốc” là một dạng thuốc trị bệnh (medicinal properties). Sau đó người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã đem cây này sang Philippines (khi đó còn gọi là Luzon) vào cuối thế kỷ XVI⁶.

1.1. Từ Âu châu truyền vào Trung Hoa

Cây thuốc lá truyền vào Trung Hoa theo hai đường, một đường từ Philippines làm vật tiến cống cho triều đình nhà Minh. Khi đó, các thủy thủ Âu châu gọi loại cây làm thuốc này là Rượu Khô (Dry Alcohol) và họ đem trồng ở Phúc Kiến, vào giữa thế kỷ XVII (1650) hầu hết các binh sĩ tại đây đều tập hút thuốc⁷.

Một đường khác độc lập với Phúc Kiến do người Bồ Đào Nha đưa vào Nhật Bản khoảng giữa thế kỷ XVI và từ Nhật Bản vào Triều Tiên rồi sang Trung Hoa. Trong sổ thuế nhà Thanh đời Khang Hy có khoản thuế thuốc lá Nhật Bản cho thấy đến thời kỳ đó (1687), lá thuốc vẫn còn nhập cảng từ Nagasaki, khi đến Trung Hoa sẽ được nghiền và chế biến thành thuốc ngửi.

Có lẽ vì hai đường đưa tới hai tập quán khác nhau, miền bắc hút thuốc, miền nam hút thuốc nên thói quen hút thuốc không phổ biến ở các tỉnh nam Trung Hoa và khu vực Đông Nam Á. Bình ngửi là một pha trộn văn hóa vì nguyên thủy là một sản phẩm của Tây phương nhưng lại trở thành một tập quán Đông phương [chủ yếu là Trung Hoa]. Việc sưu tầm bình ngửi cũng lên xuống theo từng thời kỳ, bắt đầu từ vua Thuận Trị trải qua các triều kế tiếp, Khang Hy, Ung Chính, Càn Long nhưng vẫn được coi như sản phẩm của riêng triều Thanh chứ không kéo dài từ đời này sang đời khác như các đồ sứ, đồ đồng, đồ ngọc.

Thuốc hút dùng trong tị yên hồ không phải là sản phẩm bản địa của Trung Hoa mà từ Âu châu truyền sang theo chân những giáo sĩ truyền đạo. Người ta lấy các lá cây thuốc, bỏ gân lá rồi nghiền nát thành bột, sau đó để lên men hoặc cho thêm hương liệu để trong bình, khi dùng thì lấy một nhúm nhỏ hít vào mũi. Người ta đồn nhau rằng hít thuốc có thể chữa được bệnh hoa mắt, trừ hàn thấp, thông hô hấp và có thể làm mắt sáng ra.

Trong *Hồng lâu mộng*, hồi thứ 52, khi Tình Văn bị bệnh, lên cơn sốt, mũi nghẹt, mắt tiếng nên mời thái y họ Vương đến chẩn bệnh, uống thuốc giảm sốt nhưng vẫn nhức đầu.

⁶ Ngoài cây thuốc lá, một số thực phẩm hiện nay rất thông dụng cũng từ Mỹ châu mà ra. Ớt mà chúng ta ăn hàng ngày do người Y Pha Nho mang từ Nam Mỹ đến Á châu (đầu tiên là Philippines) để đổi lấy những mặt hàng bản địa ở thế kỷ thứ XVI và từ Philippines đã lan ra khắp châu Á. Khó có thể tưởng tượng được những món ăn của Á Châu sẽ ra sao nếu thiếu vị cay của ớt. Một sản phẩm quan trọng hơn là khoai lang do một con buôn Phúc Kiến đưa vào và giống củ mới này đã giúp cho người Trung Hoa có đủ thực phẩm và là một trong những nguyên nhân nổ bùng dân số ở thế kỷ XVIII. Sau hàng nghìn năm không thay đổi, lần đầu tiên dân số Trung Hoa đã lên đến 300 triệu người cuối đời Càn Long.

⁷ Theo báo cáo của Ye Mengzhu, chú thích 12 trong “Coxinga and the Fall of the Ming Dynasty”, tr. 14. Tài liệu gốc Lin Renchuan, *Fukien's Private Sea Trade in the 16th and 17th Centuries*, tr. 206.

Bảo Ngọc mới sai Xạ Nguyệt mang thuốc ngủ đến khiến cho cô ta hắt hơi luôn mấy cái liền thông cổ, hết nghẹt mũi⁸.

Trong *Dũng lộ nhàn thoại* (勇廬閒話) của Triệu Chi Khiêm (趙之謙), một học giả kiêm thư pháp gia, soạn năm Quang Tự thứ 6 (1869), Tông Minh Nghĩa nói là *tị yên* (thuốc ngủ) từ nước Ý Đại Lợi của Tây Dương do Lợi Mã Đậu (Matteo Ricci) theo đường biển đem đến Quảng Đông, năm Vạn Lịch 9 khi tới kinh sư hiến phương vật đã truyền vào Trung Quốc. Thế nhưng theo sử sách thì mãi đến năm Vạn Lịch 29 Lợi Mã Đậu do viên thái giám tên là Mã Đường dẫn tiến, mới được chấp thuận cho lên kinh đô dâng phương vật gồm có *Vạn quốc đồ chí* (bản đồ các quốc gia trên thế giới), tượng chúa Jesus, tượng bà Maria, Thánh Kinh, thập giá làm bằng ngọc trai, đàn, chuông Tây phương các món nhưng không thấy nói tới thuốc ngủ.

Năm Sùng Trinh 12 (1639), giáo sĩ Ý Đại Lợi là Tất Phương Tế (Franciscus Sambiasi) đem hiến phương vật gồm có dư bình (興屏) tức bản đồ lớn ghép nhiều mảnh lại, tọa bình (坐屏)⁹, dương cầm, đồng hồ tự đánh giờ... Cũng không thấy có thuốc ngủ trong các phương vật.

Cuối thời Minh, đầu thời Thanh, Bộ Truyền giáo hải ngoại của giáo hội La Mã mở rộng ảnh hưởng đều nhờ vào các giáo sĩ. Những người được gửi đi đều là thành phần uyên bác, giỏi khoa học, hội họa, kỹ thuật để giao tiếp với nho sĩ Trung Hoa. Họ đề nhiều năm nghiên cứu về Đông phương, học thổ ngữ, thông kinh điển và dùng sản phẩm khoa học mới của Âu châu để tiếp cận với vua chúa, quan lại phương Đông.

Thời Minh, chức quan Khâm thiên giám (quan coi về thiên văn và tính toán lịch số) được giao cho Thang Nhược Vọng (Johann Adam Schall von Bell) là một giáo sĩ người Đức. Ông này thường đem rượu bò đào (tức rượu vang làm bằng nho) để biếu các quan người Trung Hoa ở kinh đô như một lễ vật giao tiếp.

Tới thế kỷ XVII thuốc ngủ trở thành một lễ phẩm rất quý trọng của Âu châu, những chiếc hộp đựng thuốc thường là bằng ngọc dát vàng, chế tác tinh xảo mỹ lệ rất được ưa chuộng. Từ giới quý tộc, thói hít thuốc lan xuống tầng lớp thương nhân và thú vui này được phân cách bằng những loại hộp đựng mỗi lúc một tinh vi, đa dạng phổ biến trong giới quý tộc và coi đó như một phong thái thượng lưu.

Trước khi người Mãn Châu nhập quan, tại cự đô vùng Thẩm Dương, Phụng Thiên có người Nữ Chân thường đem trâu bò, dê cừu buôn bán với người Triều Tiên cũng đã trao đổi yên thảo. Chứng cứ quan trọng nhất mà người ta còn tìm được là những lọ bằng đồng đựng thuốc có khắc niên hiệu Thuận Trị (1644-1661) tuy có người nghi ngờ là không đúng sự thật nhưng

⁸ Tào Tuyết Cần (曹雪芹) soạn, Nhiêu Bân (饒彬) hiệu đính. *Trung Quốc cổ điển danh trứ - Hồng lâu mộng* (中國古典名著紅樓夢) (Đài Bắc: Tam Dân thư cục xuất bản xã, 1972) [tái bản lần thứ 8, 1990] hồi thứ 52, tr. 436.

⁹ Theo nghĩa đen là bức bình phong chắn trước quan viên để dân chúng khỏi trông thấy, e không phải nghĩa ở đây.

về sau đã được minh xác¹⁰. Ngoài Triều Tiên ở phương bắc truyền xuống, người Philippines từ Luçon truyền từ phương nam, và ở Phúc Kiến, Giang Tây người ta đã trồng cây thuốc. Tuy nhiên, bình ngửi có từ bao giờ thì không ai dám nói chắc, có lẽ từ cuối thời Minh nhưng chỉ thịnh hành vào khoảng đầu thời Thanh.

Dưới thời Thanh Khang Hy (trị vì 1662-1722), Vương Sĩ Trinh (王士禎) (1634-1711)¹¹ soạn bộ *Hương tổ bút ký* (香祖筆記) 12 quyển vào khoảng năm 1703-1704 trong đó có viết: 呂宋國所產煙草, 本名淡巴菰, 又名金絲薰, 餘既詳之前卷. 近京師又有製為鼻煙者, 云可明目, 尤有辟疫之功, 以玻璃為瓶貯之. 瓶之形象, 種種不一, 顏色亦具紅紫黃白黑綠諸色, 白如水晶, 紅如火齊, 極可愛玩. 以象齒為匙, 就鼻嗅之, 還納於瓶. 皆內府製造, 民間亦或仿而為之, 終不及¹². *Nước Lữ Tống* (tức Luzon, nay là Philippines) sản xuất ra yên thảo, tên gốc là *Đạm ba cô*, lại có tên là *cỏ tơ vàng* đã viết rõ ở những quyển trước. Gần đây kinh sư có người chế ra làm thuốc ngửi, nói rằng có thể giúp cho sáng mắt, còn có thể tránh được bệnh dịch, chứa trong bình bằng pha lê. Hình dáng chiếc bình có nhiều loại khác nhau, màu sắc thì có màu đỏ, màu tím, màu vàng, màu trắng, màu đen, màu lục, trắng như thủy tinh, đỏ như hun lửa thật là đẹp dễ. Dùng ngà làm thìa, cho lên mũi ngửi, xong lại để vào trong bình. Tất cả đều do Nội Phủ chế tạo, trong dân gian cũng phỏng theo mà làm nhưng không đẹp bằng.

Về cái tên 淡巴菰 (đạm ba cô) thì từ điển giải thích là từ gốc tiếng Tây Ban Nha tabaco nguyên từ Nam Mỹ tức cây thuốc lá ngày nay, cũng còn dịch là 淡巴菇. Tài liệu cũng cho thấy một xưởng thủy tinh đã được thành lập trong Tử Cấm thành năm 1696 đủ biết vào thời kỳ họ Vương viết bộ sách này thì việc hít và chế tạo bình ngửi đã thịnh hành.

Về việc tại sao người Âu châu chứa thuốc trong hộp để ngửi và nhai nhưng khi sang Trung Hoa lại để vào trong lọ nhỏ thì người ta giải thích rằng người Trung Hoa có thói quen đựng thuốc trong bình nhỏ bằng sứ và lúc đầu thuốc ngửi được coi như một loại dược liệu nên bình đựng thuốc ngửi cũng là một loại thuốc mang theo trong người và rồi thành một phong trào của giới thượng lưu.



Hình 2: Tranh vẽ của Trung Hoa nhạo báng người Âu châu khi họ xuất hiện tại Chiết Giang

¹⁰ Robert Kleiner, *Chinese Snuff Bottles* (1994), tr. 5.

¹¹ Vương Sĩ Trinh (王士禎), thi nhân đời Thanh, tự là Di Thượng, hiệu Nguyễn Đình, lại có tên Ngưu Dương sơn nhân, người Tân Thành đỗ tiến sĩ đời Thuận Trị (1658) làm quan lên đến Hình bộ Thượng thư đời Khang Hy. Về hưu năm Khang Hy 43 (1704).

¹² *Hương tổ bút ký*, quyển V.

Vua Khang Hy đã có 6 lần nam tuần (đi xuống phương nam), trong lần đầu vào năm 1684 (Khang Hy 23) khi ông đến Nam Kinh thì có giáo sĩ Joannes Gabiani (畢嘉: Tất Gia) và Joannes Valat (汪儒望: Ông Nho Vọng) đến quỳ tiếp giá, hai người dâng lên bốn món phương vật, hoàng đế truyền chỉ:

Các món phương vật các người đem đến đều là hàng hiếm có nhưng trẫm đã từng thu lưu rồi. Riêng có thuốc ngửi [tây lạp] thì [lần này] nhận mà thôi.

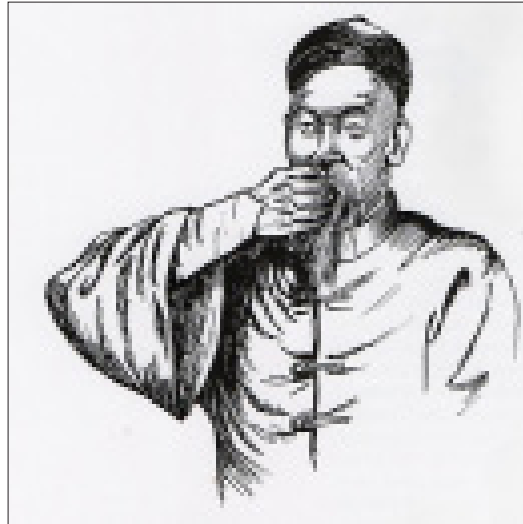
Theo như lời của vua Khang Hy thì ông đã biết đến loại thuốc ngửi của Tây dương. Đoạn này trích trong *Hi Triều Định Án* có lẽ là văn bản sớm nhất về loại này.

Cũng năm đó, một họa gia nổi tiếng đầu thời Thanh là Ngô Lịch, đã cải giáo sang đạo Thiên Chúa và vào làm việc trong giáo hội, đã tự nghiên cứu và chế tạo được thuốc ngửi để tặng cho bạn bè. Trong những đời Khang - Ung - Càn, phong khí hít thuốc ngửi trở nên thông dụng và những quốc gia Âu châu cũng hay dùng loại dược liệu này làm quà tặng khi mang sang Trung Hoa.

Năm Ung Chính 3, Giáo hoàng Benedictus gửi phương vật trong đó có rất nhiều bình đựng thuốc ngửi bằng mã não và pha lê. Năm Ung Chính 5, Quốc vương Bồ Đào Nha Joseph sai sứ thần Metello mang phương vật sang cũng có nhiều bình đựng làm bằng mật lạp, mã não, kim tương, ngân độ, đồi mồi, lam thạch các loại. Năm Càn Long 17, Quốc vương Bồ Đào Nha lại đem hiến phương vật gồm có tị yên, xích kim, loa điện, mã não, lục thạch các loại hộp đựng thuốc ngửi. Hoàng đế Càn Long khi nhận các món lễ phẩm này ở Viên Minh viên đã đem ban lại cho các thân vương, đại thần.

Theo nghiên cứu của Trương Lâm Sinh (張臨生) trong *Tế thuyết tị yên hồ* (細說鼻烟壺)¹³ thì “tây lạp” chính là dịch âm của chữ “snuff” tức loại thuốc ngửi, cũng có khi dịch thành “sĩ na” (士那). Trong sách *Sĩ na bổ thích* (士那補釋) của Trương Nghĩa Chú (張義澍) cuối thời Thanh tác giả định nghĩa như sau:

Sĩ na: tức tị yên, âm dịch từ tiếng Hà Lan, cũng còn gọi là “sĩ na phú” hay “sĩ nữ”, dùng yên thảo loại cao cấp trộn với dược phẩm trân quý nghiền thành bột mà chế thành, không dùng lửa mà chỉ dùng ngón tay chấm vào nhét vào lỗ mũi rồi hít nhẹ có thể giúp người ta tỉnh táo, không mỏi mệt. Thịnh hành cuối đời Thanh. Sách này cho biết có viết sơ lược trong sách “Dùng lô gián chước” của Triệu Chi Khiêm, nên có tên là “Sĩ na bổ thích”¹⁴.



Hình 3: Một người Trung Hoa đang hít thuốc.
Nguồn: Trevor Cornforth (2002), tr. 16

¹³ Quốc lập Cổ cung Bác vật viện (國立故宮博物院), *Văn vật quang hoa* (文物光華). Đài Bắc: Dân Quốc 79 tr. 344.

¹⁴ Nguyên văn: 士那: 即鼻煙, 荷蘭語的音譯, 亦作士那富, 士拿. 鼻煙, 用高級煙草和名貴藥品研末製

1.2. Từ hộp chuyển sang bình

Hộp đựng do ngoại quốc đưa sang chỉ là một số lượng nhỏ nên khi hít thuốc trở thành một phong thái thì việc người Trung Hoa phải tự chế tạo riêng cho mình là chuyện đương nhiên. Loại hộp đựng thuốc ngửi của người Tây phương không mấy tiện dụng vì khi mở nắp hộp ra, bột thường bay tung tóe. Vì thế người ta mới thay đổi dùng các loại bình đựng thuốc thời Minh có miệng nhỏ. Cái nắp gắn một chiếc thìa dài, đầu hơi to như hình một chiếc xẻng. Cái thìa đó làm bằng ngà voi, đồi mồi, phổ thông hơn cả là dùng kim loại, xương cá để mức từ trong bình ra một chút bột thuốc, để lên đĩa nhỏ hay lòng bàn tay rồi đưa lên mũi hít mạnh.

Cũng theo Trương Nghĩa Chú thì “*đồ chứa thuốc ngửi gọi là bình 瓶, cũng còn gọi là hộp 盒, đồ mang thuốc theo gọi là hồ 壺, lấy thuốc ra bỏ vào hồ gọi là lậu 漏, thuốc ở trong bình lấy ra mời khách gọi là điệp 疊, khuấy vào hồ để cho đều gọi là khiêu 挑...*”. Phần trên của bình ngửi có miệng nhỏ, trên miệng có nắp, cái thì làm bằng bảo thạch, cái thì làm bằng trân châu, cái thì làm bằng ngọc mắt mèo, đủ loại màu sắc.

Tị yên hồ lúc đầu mô phỏng bình đựng thuốc thời cổ làm bằng pha lê nhưng càng về sau hình dáng càng đa dạng mà chất liệu cũng không giống nhau. Có cái hình tròn, có cái hình quả đào, hình thạch lựu, hình hồ lô, hình trái cà, hình con cá, hình con heo.

Về chất liệu thì có cái làm bằng sành, sứ, ngọc thạch, thủy tinh, pháp lang, ngà voi, mã não, hồ phách.



Hình 4: Đĩa nhỏ để đựng thuốc ngửi trước khi đưa lên mũi.

Nguồn: Cornforth & Cheung (2002), tr. 22

1.3. Hương vị

Tị yên hay bột thuốc ngửi không dùng miệng mà dùng mũi hít vì lá thuốc đã nghiền thành bột mịn rồi thêm hương liệu mà chế thành. Theo Trang Cát Phát trong bài *Tị yên hồ đích diệu dụng*¹⁵ thì tị yên có 6 vị khác nhau. Đường Lỗ Tôn

成，不用火種，以手指粘煙末送到鼻孔，輕輕吸入，可以提神防倦。盛行於清代。此書旨在補趙之謙《勇盧問贅》之疏略，故名《士那補釋》。

¹⁵ 鼻煙壺的妙用. *Cổ cung văn vật nguyệt san* (Đài Bắc), số 21, Tháng Chạp, 1984.

(唐魯孫) trong *Đàm tị yên* (談鼻烟) có nói rằng thuốc ngửi coi vị tanh hôi là đứng đầu, chua là thứ hai, vị chocolate là thứ ba, thanh là thứ tư có thể chống cảm cúm, ngọt là thứ năm cho người mới tập, mặn là thứ sáu ít thấy hơn cả.

Thời Thanh, Thụy Cảnh Tô (瑞景蘇) là giám đốc Việt hải quan nói rằng thuốc ngửi từ bên ngoài đem vào có vị rất đặc biệt như: *phi yên* (飛煙), *đậu yên* (豆煙), *mã nghị thi* (螞蟻屎), *toan táo miến nhi* (酸棗麵兒) 4 loại, trong đó, phi yên là hạng nhất, để lâu trong bình vón lại thành cục, dùng tay miết nhẹ, người ngoài không hay biết, đó là trân phẩm dùng trong cung vua; đậu yên là loại bột giữ lâu năm nên thành những hạt nhỏ như hạt đậu, giữ được hương rất lâu và chắc chắn; mã nghị thi nghĩa đen là “phân con kiến” là loại tồn trữ lâu gặp lúc ẩm thấp nên lên men biến thành những hạt li ti; toan táo miến nhi là loại chưa khô hẳn nếu để lâu thành cục lớn nhỏ không đều, giống như tổ ong, hít vào mắt sáng dễ chịu.

Trước đây khi người ta hít thuốc, hoặc nhúm một ít bỏ vào mũi, hoặc lấy một chút thuốc dùng ngón tay cái và ngón trỏ vê vê nhét vào mũi rồi hít vào.

2. Chế tạo

Bình ngửi ở trong dân gian rất đa dạng nhưng nói đến sinh hoạt cung đình thì có cái làm bằng sứ, bằng ngọc, mã não, hổ phách, pha lê nhiều loại. Bình ngửi làm bằng pháp lang có vẽ hình là món được yêu thích hơn cả.

Ngay từ đời Thuận Trị việc sưu tầm và lưu trữ bình ngửi đã có và lên đến cao trào vào các đời Khang Hy (1662-1722), Ung Chính (1723-1735) và Càn Long (1736-1795). Theo tài liệu trong cung, một số lượng bình ngửi rất lớn được ghi nhận trong hoàng cung và cũng là quà tặng cho sứ thần ngoại quốc. Các hoàng đế nhà Thanh cũng chỉ thị rất nhiều trong việc sản xuất và họa kiểu các bình ngửi nhất là để làm cho các bộ sưu tập riêng của triều đình thêm phong phú.

2.1. Khang Hy

Năm Khang Hy 32, Tạo biện xứ (造辦處) - tức cơ xưởng chế tạo vật dụng dùng trong triều đình - đã thiết lập các tác phòng bao gồm pháp lang tác, kim ngọc tác, như ý quán, pha lê xưởng... và đến năm Khang Hy 35 thì tăng lên thành tất cả 14 phòng. Thợ của các xưởng này do Nội vụ phủ, Chức tạo cục của Tô Châu và Việt hải quan đốc thúc các nha môn tuyển chọn còn thợ làm đồ pha lê thì do tuần phủ Sơn Đông đưa đến. Trước đây, những sản phẩm này được đặt làm tại nhiều xưởng bên ngoài kinh đô nay tập trung vào một nơi dưới sự chỉ đạo và điều động của quan chức triều đình.

Hoàng đế Khang Hy thích đồ pháp lang có vẽ hình nên tìm đủ mọi cách để đưa kỹ thuật đó vào tác phùng trong cung. Vẽ trên đồ pháp lang nay có nhiều lớp và chỗ nổi, chỗ chìm khiến cho thêm hiện thực mà màu sắc cũng tươi đẹp hơn. Một số món đồ pháp lang theo chân các nhà truyền giáo được đưa vào Trung Hoa. Cuối đời Khang Hy tuần phủ Giang Tây Lang Đình Cực (郎廷極) trình lên danh sách tiến cống trong đó có hai chiếc tị yên hồ hình quả cà (水茄 *Solanum torvum*), 2 chiếc bình ngửi Tây dương.

Ngoài kinh sư, trên toàn quốc cũng có nhiều nơi như Giang Ninh, Tô Châu, Hàng Châu chế tạo bình ngửi. Ba nơi trên được gọi chung là Giang Nam tam chức tạo (江南三織造). Đời Khang Hy, chức tạo Giang Ninh là Tào Dần (曹寅), chức tạo Tô Châu là Lý Hú (李煦), chức tạo Hàng Châu là Tôn Văn Thành (孫文成) ba người trông lo việc cung cấp cho hoàng cung những món cần thiết, cũng có khi tiến cống trần ngoạn, chẳng hạn như ngày 26 tháng Sáu năm Khang Hy 49 (1710), Lý Hú tiến cống, trong các cống phẩm có bút Hồ Châu, phật thủ mới hái và tị yên hồ.

Năm Khang Hy 55, tuần phủ Quảng Đông là Dương Lâm đã tìm ra được hai người Quảng Đông tên là Dương Sĩ Chương và Phan Thuần có thể nung được đồ pháp lang nên lập tức cấp cho sổ phí để lo gia đình rồi đưa ngay lên kinh đô. Năm Khang Hy 58, Dương Lâm lại tìm được một giáo sĩ đạo Gia Tô là Jean Gravereau biết cách nung pháp lang nên đưa lên kinh và được trọng dụng. Đồ pháp lang Trung Hoa xuất hiện từ thời đó.

Kỹ thuật nung và chế tạo đồ pháp lang có vẽ hình vốn không phải là sáng tạo của người Trung Hoa mà xuất phát từ vùng Flanders (nằm ở giao giới của ba quốc gia Âu châu là Bỉ, Pháp và Hà Lan) từ giữa thế kỷ thứ XV. Cuối thế kỷ XV, vùng Limoges ở giữa nước Pháp đã trở thành một thị trấn quan trọng chuyên về pháp lang.

Năm Khang Hy 60, sứ thần nước Nga sang Trung Quốc, hoàng đế Khang Hy ban cho mỗi người một chiếc bình ngửi pháp lang. Cùng năm đó Giáo hoàng Clement XI sai sứ thần là C. Mezzabarba sang Trung Hoa để đàm thảo về vấn đề giáo đồ Thiên Chúa giáo có được cúng tế tổ tiên hay không? Họ cũng được ban thưởng tị yên hồ pháp lang, cho thấy vua Khang Hy rất coi trọng những sản phẩm mới chế tạo này.

2.2. Ung Chính

Hoàng đế Ung Chính cũng ưa thích đồ pháp lang không kém gì vua cha. Từ khi Jean Gravereau cáo bệnh về nước, không còn chuyên gia pháp lang nào người ngoại quốc ở trong triều nên tác phùng nay không còn người chuyên môn chỉ đạo. Chủ trì Tạo biện xứ là Di Thân Vương Dận Tường lo lắng thành bệnh, may nhờ có một số phụ tá như lang trung Hải Vọng, Tổng Thất Cách, Bá Đường A, Đặng Bát Cách bàn luận trao đổi để nghiên cứu, đến năm Ung Chính 6 thì Tạo biện xứ đã chế tạo được các vật liệu để làm ra các màu trắng, vàng, hồng, lục, đỏ, xanh (nhuộm bạch sắc, hương sắc, đậm tùng hoàng sắc, ngẫu hà sắc, thiên lục sắc, tương sắc, thâm bồ đào sắc, thanh đồng sắc, tùng hoàng sắc).

Tị yên hồ đời Ung Chính có đặc tính mà người ta đặt tên là “*cảm địa khai quang thức*” (錦地開光式)¹⁶, dùng đề tài xưa nay người ta thường vẽ lấy hoa, điều là chính, cảnh lá hữu tình, linh hoạt sinh động biểu lộ sự thanh nhã của văn nhân. Về màu sắc thời dùng nhiều màu, thích màu đen, lấy màu pháp lang đen làm cảm địa (nền) để cho nổi bật chủ đề lên. Con dấu trên pháp lang đời Ung Chính thì bốn chữ Ung Chính niên chế không theo hình vuông, hình tròn như thông lệ mà vẽ hình linh chi, tiên đào bao quanh. Khi đồ pháp lang dâng lên nhà vua rất đẹp lòng, ông thường hỏi kỹ xem ai là người đã vẽ và thực hiện

¹⁶ Dùng núi non, cây cỏ làm nền sau đó vẽ thêm người, hoa, điều để làm nổi bật ý nghĩa toàn cảnh.

để khen thưởng bằng tiền và tị yên hồ đời Ung Chính còn lưu lại tới ngày nay đều được giá cao trong những kỳ đấu giá.

2.3. Càn Long

Triều Càn Long là một trong những thời kỳ toàn thịnh của nhà Thanh, đất nước tương đối an bình, các tác phẩm trong cung cũng đạt được nhiều thành tựu. Hoàng đế Càn Long cũng đặc biệt chú trọng đến nghệ thuật Tây phương nên hội họa, miêu tả phong cảnh, sinh hoạt ở Âu châu cũng được dùng như một bản nền cho đồ pháp lang. Nguyên tắc viễn cảnh (perspective) đã khiến cho hình ảnh có chiều sâu nên con người, giáo đường, thôn xóm trở nên linh động và thật hơn lối vẽ cũ của Trung Hoa nhiều.

Thời Thanh chưa thành lập họa viện, các họa công tùy thuộc vào các cơ quan bên trong Tào biện xứ chẳng hạn Như Ý quán sử dụng những người trước đây là họa tượng (thợ vẽ) sau được dùng như chuyên môn. Ngoài một số lớn thợ vẽ được tuyển mộ ở Tô Châu, phần đông các họa sĩ triều đình là những giáo sĩ, chẳng hạn G. Castiglione (郎世寧: Lang Thế Ninh), Attiret (王致誠: Vương Trí Thành)¹⁷. Dù bất cứ bức họa nào, họ phải trình lên bản vẽ nháp (phấn bản 粉本) để cho hoàng đế xem trước và chấp thuận rồi sau đó mới bắt đầu vẽ. Các tranh vẽ phần nhiều do họa sĩ Tây phương phác họa bố cục, rồi sau đó các họa nhân người Hán như Tả Hằng (載恒), Thang Chấn Cơ (湯振基), Hạ Kim Côn (賀金昆)... vẽ và thêm thắt chi tiết.

Các bức họa trên tị yên hồ bằng pha lê đời Càn Long nổi tiếng và lan ra rất xa, nguyên liệu từ Bắc Sơn, tỉnh Sơn Đông cung ứng rồi do Pha lê xưởng của Tào biện xứ chế tạo. Pha lê gốc màu trắng đục có hai loại ánh sáng thấu qua và không thấu qua nên thường vẽ những hình ảnh rậm rạp, dát vàng và khắc bằng tay. Những tị yên hồ pha lê pháp lang thường vẽ người hay phong cảnh trên những bình hình vuông, chữ nhật rất công phu.

Ngày 18 tháng Tư năm Càn Long 20 (1755), quản lý Việt hải quan là giám đốc Lý Vĩnh Tiêu (李永標) nhận được văn thư từ Quân cơ đại thần Phó Hằng yêu cầu lo liệu 20 chuỗi triều châu bích nha, 100 chuỗi triều châu tây nha, 300 bình ngửi, 300 hộp nữ nhi hương đến tháng Bảy đưa lên kinh đô.

Từ hoàng đế, việc sử dụng bình ngửi phổ biến ra các quan. Phó sứ George Leonard Staunton trong phái đoàn Macartney sang Trung Hoa năm 1793 đã viết trong nhật ký của ông rằng:

Thuốc hút nghiền thành bột rất được người Trung Hoa ưa chuộng. Một đại quan hiếm khi không có một chiếc bình nhỏ đựng thuốc hút để thỉnh thoảng đổ ra một chút lên hổ khẩu bàn tay trái rồi đưa lên mũi hít vài ba lần mỗi ngày.

¹⁷ Attiret từng viết sách miêu tả đời sống đơn điệu và khổ sở khi ông phải sống trong cung cấm, suốt ngày đêm cặm cụi với công việc, không hứng thú nhưng cũng không có cách nào phô bày được tài năng của mình. Ông cũng nói rằng mỗi khi được hoàng đế ban cho các món thượng phẩm (tức món ăn dành riêng cho nhà vua) thì ông không thấy ngon, thua xa rau trái ở quê nhà còn thù lao thì chỉ là một số vải vóc, nếu không vì muốn đem tài nghệ của ông để đóng góp vào việc truyền bá Phúc âm thì ông đã bỏ đi từ lâu rồi.

Tuy nhiên ở phương nam người ta hút thuốc chứ không nhai hay hít thuốc. Bác sĩ Osbeck có mặt tại Quảng Châu từ tháng 8/1751 đến tháng 01/1752 cũng nhận xét rằng “Người Trung Hoa chưa thực hành việc hít thuốc (snuff) và nhai thuốc (tobacco-chewing) mà dùng lá để hút”¹⁸.

2.4. Gia Khánh

Qua đời Gia Khánh (1796-1820) và Đạo Quang (1821-1850) việc sản xuất bình ngửi giảm sút nhiều không phải vì triều đình không còn ưa thích mà vì tình trạng kinh tế đi xuống và loạn lạc khắp nơi. Các thương nhân, binh sĩ từ bên ngoài đến Trung Hoa thấy có nhiều sinh hoạt xã hội đáng ghi nhận hơn những thói tục xa hoa của triều đình hay quần chúng. Bình ngửi nay có nhu cầu cao hơn nhưng việc sản xuất quy mô đưa công nghệ này vào việc dùng những chất liệu khác. Trong khi thế kỷ thứ XVIII thì thủy tinh, ngọc và đồ pháp lang là những chất liệu chính thì từ cuối đời Càn Long, đầu đời Gia Khánh về sau người ta dùng những vật liệu rẻ tiền và đa dạng hơn như tre hay ngà. Loại vật liệu thông dụng nhất là đồ sứ.

Đồ sứ Trung Hoa ở Cảnh Đức trấn vốn dĩ hoạt động từ thế kỷ thứ X và trong 800 năm kế tiếp họ là nguồn cung cấp phong phú nhất cho triều đình. Tuy nhiên, việc làm bình ngửi bằng sứ không được giới quan viên ưa chuộng, có lẽ vì đồ sứ thường là những vật dụng lớn như bình hay bát, tô mà đặc tính thấu quang của các món đồ này là một ưu điểm. Ngày nay, các bình ngửi bằng sứ thường được sản xuất theo từng bộ, có khi đến 10, 12 hay 20 chiếc cùng loại để trong hộp bán cho người sưu tầm.

Thế kỷ XIX cũng là thời kỳ mà bình ngửi trở thành đại chúng nhất là đồ sứ men xanh trên nền trắng đã thay thế đồ pháp lang, đồ sứ nay có thể dùng khuôn và điêu khắc, lại thêm kỹ thuật vẽ ngược từ bên trong hàng thủy tinh hay đồ pha lê.

Tị yên hồ trong cung chủ yếu do Nội vụ phủ chế tạo, đời Khang Hy khéo và giản phác, sang đời Ung Chính càng thêm tiến bộ, đến đời Càn Long thì lại càng tinh xảo, việc khắc họa vẽ vờ lên đến mức tinh vi, đa dạng từ rồng phượng, cá chim cho đến hoa cỏ, núi non không gì là không chi tiết từng li từng tí. Hồ sơ trong cung nhà Thanh còn tồn trữ nhiều chỉ thị viết tay của hoàng đế Càn Long chỉ đạo về việc làm bình ngửi¹⁹.

3. Bình ngửi và ngoại giao

3.1. Ban thưởng sứ thần

Năm Khang Hy 60 (1721), Giáo hoàng La Mã sai sứ thần sang Trung Hoa đã được tặng cho bình ngửi pháp lang, sứ thần nước Nga khi sang đến Bắc Kinh hoàng đế Khang Hy cũng ban cho mỗi người một chiếc tị yên hồ pháp lang.

Năm Ung Chính 3 (1725), Giáo hoàng Benedict XIII đã gửi thuốc ngửi tặng hoàng đế Ung Chính và năm 1727 thì sứ thần của vua Bồ Đào Nha cũng có thuốc ngửi trong những món quà gửi sang Trung Hoa.

¹⁸ Robert Kleiner. Sđd, tr. 6-7.

¹⁹ Trang Cát Phát. Tlđđ, tr.122

Năm Càn Long 4 (1739), vua Bô Đào Nha gửi biểu một hộp thuốc gửi cho vua Càn Long (1736-1795). Để đáp lễ, hoàng đế Càn Long cũng gửi tặng bình gửi và thuốc hút cho triều đình các quốc gia liên hệ cho thấy việc sử dụng bình gửi trong lễ tiết ngoại giao nay là một tập tục của hoàng cung.

Năm Càn Long 55 (1790) vua Quang Trung sang Bắc Kinh ngày 11 tháng Bảy năm Canh Tuất khi triều cận ở Tị Thử sơn trang, theo danh sách đặc biệt những món quà mà Quân Cơ xứ soạn riêng để ban thưởng cho vua Quang Trung, ta thấy có những món sau đây:

Măng bào	5 chiếc	蟒袍	五領
Đai ngọc	1 cái	玉帶	一條
Ngựa	1 con	馬	一匹
Yên cương màu vàng	1 bộ đầy đủ	黃韁	全副
Đai bằng vàng	1 cái	金帶	一條
Mão bằng vàng	5 cái	金帽	五頂
Phật bằng ngọc	1 pho	玉佛	一尊
Như ý bằng ngọc	1 thanh	玉如意	一柄
Bình sứ	1 cái	磁瓶	一個
Trà lá lớn và nhỏ	6 bình	茶葉	六瓶 (大小)
Trà bánh lớn	1 bánh	大團茶	一個
Tị yên bình	2 cái	鼻煙	二瓶
Quạt	2 cái	扇	二把
Ngự chế thi chương	1 bài	御制詩章	一幅
Bạc	1 vạn lượng	銀	一萬兩

Ngày 17 tháng Bảy khi vào triều kiến tại Đạm Bạc Kính Thành điện lại được thưởng thêm (gia thưởng) những món sau đây:

Như ý bằng ngọc	1 thanh	玉如意	一柄
Đoạn	2 tấm	緞	二疋
Chương nhung	1 tấm	漳絨	一疋
Lăng	3 tấm	綾	三疋
Bình Tây phương	2 cái	洋瓶	二個
Đĩa Tây phương	1 cái	洋碟	一個
Bát sơn mài	1 cái	漆碗	一個
Tị yên bình	1 cái	鼻煙瓶	一個

Bồi thần 6 người mỗi người được 1 tấm đoạn, 1 tấm chương nhung, 2 tấm lăng, 1 cái bát sơn mài, 1 cái tị yên bình, 1 bộ đồ đánh lửa (火鏈). Cũng ngày hôm đó, ban thưởng cho chánh phó sứ Miến Điện và các đầu mục mười người, mỗi người một chiếc tị yên hồ bằng sứ.

Ba năm sau, ngày 12 tháng Bảy năm Càn Long 58 (1793), khi tiếp đón sứ đoàn Macartney của nước Anh, quân cơ đại thần cũng trình lên một danh sách các món tặng thưởng cho Quốc vương Anh Cát Lợi George III trong đó có một chiếc bình gửi hình hồ

lô. Chánh phó sứ khi vào triều cận vua Càn Long ở đông lộ châu Như Ý cũng được tặng mỗi người một cái bình ngửi bằng sứ.

Ngày mùng 10 tháng Tám, chánh và phó sứ nước Anh đã được mời đi du ngoạn Vạn Thọ viên, khi đang xem kịch tại đó, hoàng đế Càn Long có thưởng cho con trai của phó sứ là cậu bé Staunton một phần thưởng gồm 25 thứ, tất cả 43 món, trong đó có 1 cái bình ngửi.

Năm sau, ngày 11 tháng Chạp năm Càn Long 59 (1794), quân cơ đại thần dẫn quốc sứ Hà Lan Titsingh và Van Braam đến Vạn Thọ sơn chiêm cận, trong những món vua Càn Long ban thưởng thì trừ những món đồ sứ, thiềm đoan, hà bao lớn và nhỏ, chánh sứ và phó sứ cũng đều được thưởng bình ngửi²⁰.

3.2. Tị yên hồ trong giới quan lại

Trong quan trường thời Thanh, tị yên hồ đóng một vai trò quan trọng. Một chiếc bình ngửi chế tạo tinh mỹ có thể là một đề tài thảo luận thích thú, khen chê so sánh giữa người này với người khác. Tị yên hồ cũng còn được dùng như một phẩm vật trung gian để tiếp xúc với giới quyền quý, là món đồ để tiến thân. Người nổi tiếng đời Càn Long là Hòa Thân (1750-1799)²¹ rất thích bình ngửi.

Theo Trang Cát Phát, năm Gia Khánh 4 (1799) quân cơ đại thần Hòa Thân bị tru diệt, gia sản bị tịch thu bao gồm kim khó (kho vàng), ngân khó (kho bạc), ngân khí khó (kho đồ làm bằng bạc), tiền khó (kho tiền), nhân sâm khó (kho chứa nhân sâm), châu bảo khó (kho châu báu), ngọc khí khó (đồ bằng ngọc), cở ngoạn khó (đồ cở), trừ đoan khó (kho vải vóc), bì trương khó (kho các loại da thú), đồng tích khó (kho đồng thiếc), từ khí khó (kho các loại đồ sứ), văn phòng khó (kho các loại thuộc văn phòng), trân tu khó (kho các loại đồ ăn ngon) các loại tổng cộng 109 loại khác nhau, ước chừng giá trị khoảng 800 triệu lượng bạc.

Hòa Thân đương quyền 20 năm, gia sản tích súc còn nhiều hơn tổng số thu nhập của quốc gia trong 10 năm. Trong số tài sản của ông ta có đến 2.390 cái bình ngửi trong đó có 48 cái bằng ngọc, hơn 100 cái bằng Hán ngọc, hơn 300 cái bằng bích ngọc, hơn 100 cái bằng mã não²².

Sang thế kỷ XVIII, bình ngửi trở thành một tập quán của triều đình và trở thành một trong những món quà ban thưởng cho đại thần, ngoại phiên. Đây cũng là thời kỳ mà người ta đặt tên là thời kỳ “bình ngửi” (snuff bottle period) vì bình ngửi đã trở thành một món hàng sưu tầm chứ không phải chỉ là một vật dụng. Chúng ta có thể so sánh việc sưu tầm bình ngửi với phong trào sưu tầm đồ cổ hay ẩm tử sa, thỏa mãn cho nhu cầu tinh thần hơn là nhu cầu thường nhật. Tuy có nguồn gốc từ Âu châu, văn hóa “bình ngửi” đã pha trộn với tập quán Trung Hoa để trở thành một mô hình độc lập và một kỹ nghệ chế tạo vượt xa nguyên bản.

²⁰ Trang Cát Phát. Tlđđ, tr. 123.

²¹ Đại thần trong Quân Cơ xứ rất được vua Càn Long sủng ái, nổi tiếng là tham quan. Hình lấy từ *Thanh sử đồ điển* (Gia Khánh triều).

²² Trang Cát Phát. Tlđđ, tr. 125.

Nhiều quan viên văn võ sưu tập tị yên hồ. Năm Càn Long 60 (1795), tổng đốc Mân Chiết Ngũ Lạp Nạp (伍拉納) trong một vụ án ăn hối lộ, khi bị tịch biên gia sản, danh sách tài vật có ghi một hộp bình ngửi bằng bích ngọc 9 chiếc, một hộp bình ngửi thủy tinh 9 chiếc. Trong danh sách tài vật của tuần phủ Phúc Kiến là Phổ Lâm (浦林) cũng có tị yên hồ bằng thủy tinh²³.

3.3. Ngự dụng trên phẩm

Tháng Chín năm Khang Hy 55 (1716), Thanh đế ban cho tuần phủ Quảng Tây Trần Nguyên Long (陳元龍) một cái bình ngửi làm bằng pha lê pháp lang năm màu. Đến tháng Sáu năm Càn Long 57 (1792), tổng binh Quảng Tây Tả là Thế Vĩnh (左世永) trong những đồ ban thường được ban cho 1 tị yên hồ pháp lang.

Hoàng đế Ung Chính cũng thường dùng bình ngửi để ban cho các đại thần ở bên ngoài. Ngày 30 tháng Giêng Ung Chính nguyên niên (1723), ban cho Tào Vận tổng đốc Trương Đại Hữu (張大有) các món trong đó có một chiếc bình ngửi. Ngày 12 tháng Hai khi ban cho tuần phủ Chiết Giang Lý Phúc (李馥) một chiếc tị yên hồ là chiếc bình mà bình thời vua Khang Hy đã dùng rất trân quý. Ngày 21 tháng Hai, thưởng cho tuần phủ Phúc Kiến Hoàng Quốc Tài (黃國材) đồ ngự dụng trong đó cũng có một chiếc pháp lam nê kim tị yên hồ, một chiếc thiên nhiên hồ lô tị yên hồ với dụ chỉ có câu: *Thánh tổ hoàng khảo khi còn sống không ưa thích các món quý giá kỳ lạ, những món để lại đây đều là những vật mà chính tiên đế đã dùng, hễ đại thần hay đốc phủ quan lại nào được ân dày của tiên đế thì mới được ban cho những món này. Nay ban cho để chủ tớ các người truyền cho đời sau, thường thường chiêm ngưỡng, cũng chẳng khác gì thấy tiên đế vậy.*

Ngày mùng 9 tháng Ba, tuần phủ An Huy là Lý Thành Long gửi triệp do thiên tổng Trương Đình Tá mang về kinh cũng kèm theo một cái hộp trong đó có một chiếc bình ngửi. Ngày mùng 3 tháng Tư, nhà vua đặc tứ cho tuần phủ Sơn Đông Hoàng Bính một chiếc tị yên hồ và nhiều món ăn trong cung. Liên tiếp trong nhiều kỳ ban thưởng, hoàng đế Ung Chính đã cho các quan bình ngửi đủ biết đây là một món quà rất được quý trọng ở thời kỳ đó²⁴.

Số lần và số lượng còn ghi chép về việc ban thưởng tướng sĩ không phải là ít. Sử chép Gia Khánh nguyên niên, nhà vua ban thưởng cho đại học sĩ đã về hưu là Sái Tân năm ấy 90 tuổi một biển ngạch ngự bút Lục Dã Hằng Xuân (綠野恒春) và nhiều món quà trong đó có như ý, hà bao và bình ngửi.

Năm Gia Khánh 2 (1797), tổng đốc Lương Quảng Cát Khánh sau khi dẹp được loạn Thiêm Địa Hội²⁵ ở Quảng Đông cũng được thưởng một chiếc bình ngửi bằng ngọc. Năm 1801, tham tướng Tôn Ứng bắt được tướng của Bạch Liên giáo là Trương Khởi Luân triều đình cũng gửi bình ngửi thủy tinh 5 chiếc, bình ngửi Tây dương 5 chiếc để ban thưởng những người có công.

²³ Trang Cát Phát. Tlđđ, tr. 125.

²⁴ Trang Cát Phát. Tlđđ, tr. 122-123.

²⁵ Thiêm Địa Hội, nhưng nhà Thanh không muốn dùng chữ Thiêm (bất kính) nên sách vở đổi thành Thiêm.

Gia Khánh 6 (1801) khi nghe tin thắng trận, vua Gia Khánh thưởng cho Ngạch Lặc Đăng Bảo, Đức Lăng Thái ngọc bài và ngọc bàn chỉ (玉搬指)²⁶, ngọc tị yên hồ... Trong những năm đời Gia Khánh, tị yên hồ là món đồ thưởng rất phổ biến khi tướng sĩ lập được công lao bài trừ các hội đảng và các nhóm nổi lên ở vùng núi gần biên giới nước ta.

4. Thể loại

4.1. Hình dáng

Tuy chỉ là một món đồ nhỏ nhưng vì người Trung Hoa làm thành nhiều kiểu khác nhau, chất liệu cũng đa tạp nên danh xưng cũng phức tạp không kém. Trang Cát Phát khi đích thân nghiên cứu các bình ngửi còn lưu giữ trong Cổ cung Bắc vật viện (Đài Bắc, Đài Loan) đã nhận định như sau:

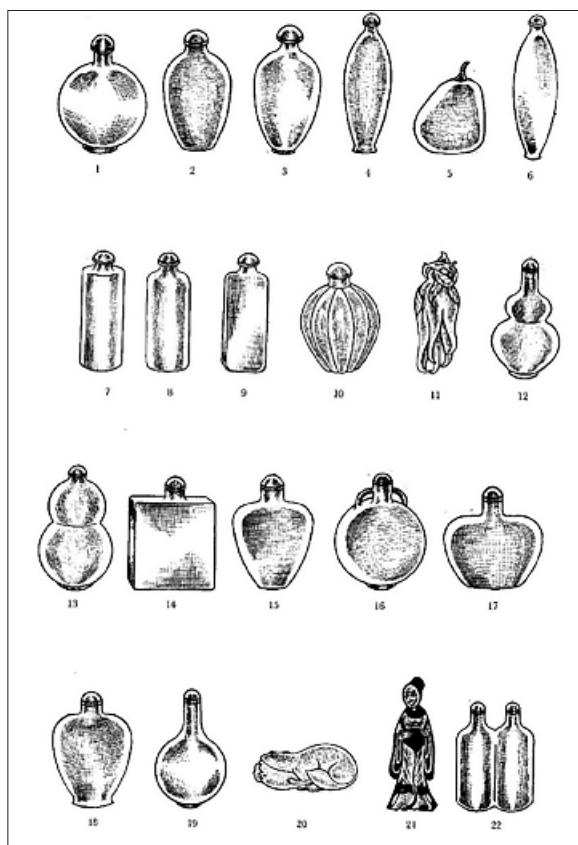
Có bình ngửi hình trái cà, bình ngửi bằng pháp lang, pháp lang nê kim, pháp lang mã não thủy chi, pháp lang nền hồng hoa mai trắng, hình trái bầu thiên nhiên, mã não, đồ sứ Tây phương, ngọc xanh, vân ngọc, thủy tinh, văn trúc... Đồ ngự tứ (tức do vua ban cho) thường kèm chung với các loại trân phẩm như hà bao lớn, nhỏ, như ý, nghiên đá, măng bào cùng ban thưởng một lượt cho thấy bình ngửi dưới thời Thanh cũng được coi trọng không khác gì những đồ ngự dụng khác. Trân phẩm do hoàng đế ban thưởng hay đồ mà người dưới dâng lên để hai bên thấu cái tình của nhau nên tị yên hồ rất hợp với đạo qua lại của người xưa.

Lilla S. Perry liệt kê 22 hình dáng khác nhau của bình ngửi mặc dù chỉ là những hình dáng thông thường để làm mẫu cho người sưu tầm.

4.2. Chất liệu

Theo Lilla S. Perry, một chuyên gia nghiên cứu và sưu tầm bình ngửi viết trong *Chinese Snuff Bottles* (1960) thì chất liệu dùng để làm bình ngửi gồm 5 nhóm chính:

Nhóm 1: **Thủy tinh** bao gồm 5 loại khác nhau từ đơn sắc đến vẽ trong hay ngoài, nhiều lớp hay làm giả đá quý...



Hình 5: Các kiểu bình ngửi.

Nguồn: Perry (1960), tr. 42

²⁶ Nhấn bằng ngọc đeo ở ngón tay cái để khi bắn cung tránh việc dây cung bật vào bị thương.

Nhóm 2: **Đồ sứ** bao gồm các loại đồ gốm, đồ sứ, đơn sắc hay trang trí, khắc họa, kể cả đồ sành...

Nhóm 3: **Đồ đá** nói chung các loại ngọc, thạch anh, và đá không quý lắm...

Nhóm 4: **Đồ hữu cơ** bao gồm mã não, san hô, sừng, ngà, gỗ, tre...

Nhóm 5: **Linh tinh** gồm kim loại, pháp lang...

Việc nghiên cứu đầy đủ cho từng loại là những công trình quy mô, nếu quan tâm có thể tìm đọc những bộ sách của các chuyên gia và tài liệu viện bảo tàng nhất là từ Cổ cung Bác vật viện (Đài Bắc hay Bắc Kinh), không thể trong vài trang mà nói cho hết được. Đối với những người sưu tầm phân loại về chất liệu, hình thể và quá trình hình thành là những yếu tố cụ thể để đánh giá món hàng nên phân biệt càng thêm chi li phức tạp.

Ở đây chúng tôi chỉ đề cập sơ qua một số vật liệu chính.

4.2.1. Thủy tinh (玻璃: glass)



Hình 6: Bình ngửi thủy tinh. Nguồn: Cornforth & Cheung (2002), tr. 30, 40

Ngay từ thời Hán (206 trCN-220 CN) người Trung Hoa đã biết đến thủy tinh và dùng làm vật dụng nhưng lại không coi trọng sự mỹ thuật và công dụng của chất liệu này cho đến khi người Âu châu mang đến những lợi ích qua những thấu kính thủy tinh dùng trong quang học.

Thời Nguyên và thời Minh cũng có đồ thủy tinh nhưng rất ít và chỉ đến thời Thanh thì việc sản xuất thủy tinh mới quy mô. Khi hoàng đế Khang Hy được những giáo sĩ biểu một số bình bằng thủy tinh cùng các dụng cụ khoa học thì triều đình nhà Thanh bắt đầu chú ý đến loại chất liệu này. Một thừa sai là De Fontanoy yêu cầu giáo hội cung cấp thêm những chuyên gia (glass-makers) và thợ tráng men (enamellers) vì hoàng đế đã rất quan tâm. Cũng vì lẽ đó, các nhà truyền giáo có mặt tại Bắc Kinh báo cáo về Âu châu rằng thủy tinh do địa phương chế tạo phẩm chất kém và yêu cầu gửi sang một số chuyên viên để giúp cho họ dễ dàng hơn trong việc tiếp cận với giới quan lại và quyền quý²⁷.

²⁷ Robert Kleiner có nhắc đến yêu cầu của Jean François Gerbillon vào tháng 11/1691 (The Nordic Butterfly Collection of Chinses Bottles), Part I, tr. 4, chú thích 1, tr. 7.

Năm 1695 một chuyên gia là linh mục dòng Jesuit tên Kilian Stumpff từ Batavia được gửi đến Bắc Kinh và năm 1696, hoàng đế Khang Hy ra lệnh thành lập một xưởng thủy tinh dưới quyền quản trị của Tào biện xứ ngay bên cạnh khu dành riêng cho người Pháp ở Tây An môn (là khu vực ban cho người Pháp năm 1693 khi họ thành công trong việc chữa trị bệnh sốt rét cho nhà vua). John Bell, một người Âu du hành đến Trung Hoa năm 1720 đã viết: *Sau mấy khúc quẹo, chúng tôi được đưa tới xưởng thủy tinh của hoàng gia là nơi mà chính hoàng thượng đã vui thú đến thăm rất thường xuyên. Chính nhà vua ra lệnh xây dựng và cũng là cơ xưởng đầu tiên thuộc loại này ở Trung Hoa. Nhân vật được chỉ định trông coi và tiến hành họa kiểu là Kilian Stumpff, một thừa sai người Đức về sau đã qua đời. Ông này là người rất được hoàng đế ưu sủng và cũng rất nổi tiếng ở Trung Hoa về sự thông minh sáng tạo và văn chương. Hoàng thượng rất ưa chuộng đồ thủy tinh do ông này làm nên ông đã gửi vài món đồ tinh tế nhất mà ông ta chế tác làm quà cho Đức hoàng*²⁸.

Năm 1698, hoàng tử Dận Đề (胤禔: 1672-1734) thiết lập một xưởng thủy tinh riêng và năm 1702, danh sĩ Vương Sĩ Trinh (王士禎: 1634-1711) đã xác định được rằng xưởng thủy tinh được thiết lập trong cung cũng vào khoảng cuối thế kỷ XVII.

Những sản phẩm bằng thủy tinh lúc ban đầu do Thủy tinh xưởng sản xuất có lẽ chỉ một màu chẳng hạn trắng, đỏ, vàng, xanh mặc dù đầu thế kỷ XVIII cũng đã có món hai màu. Thủy tinh được cung cấp từ tỉnh Sơn Đông, nơi đó thủy tinh được đúc thành từng cây hay ống rồi gửi về Bắc Kinh. Khi đã đến xưởng thì những thanh thủy tinh này lúc ấy mới được những người thợ nấu chảy, thổi và chế biến.

Những món đồ thủy tinh lúc đầu còn nhiều alkali theo thời gian sẽ bị thoái hóa, có nhiều đường nứt (crizzling) thành mạng nằm dưới mặt thủy tinh. Những đường tơ đó khiến cho vật dụng làm bằng thủy tinh bị kém giá trị và người sưu tầm không ưa. Do đó hiện nay không thấy có bình ngửi thủy tinh đề niên hiệu Khang Hy, cũng không phát triển trong đời Ung Chính và chỉ tới đời Càn Long đồ thủy tinh mới được chú ý nhiều. Nhiều kỹ thuật mới được cải thiện và nhiều sản phẩm làm bằng thủy tinh được chế tạo. Thủy tinh được thổi vào trong khuôn đúc sẵn và khi còn nóng chảy thì nhiều màu được pha trộn bằng cách xoay tròn và người thợ sẽ khắc ở bên ngoài để lộ cái lõi màu khác ở bên trong.

Đồ thủy tinh có thể đơn sắc hay chạm khắc, cũng có loại vẽ hình bên ngoài hay bên trong và thường dễ kiếm hơn cả. Thủy tinh màu thường được chế tạo do những công thức pha trộn nhất định và ngay từ đầu thời Thanh đã được ghi chép trong sách vở²⁹. Đến đầu thế kỷ XIX, vì loạn lạc và tình trạng kinh tế đi xuống, đồ thủy tinh ở Trung Hoa sa sút hẳn và chỉ phần nào khôi phục ở cuối thế kỷ này.

Theo Trương Vinh trong *Trung Quốc công nghệ phẩm tạp hạng đầu tư dữ giám tàng*³⁰ thì thị yên hồ làm bằng thủy tinh chia ra làm các loại:

²⁸ Hugh M. Moss, *Snuff Bottles of China*, tr. 35 (dẫn lại theo Robert Kheiner. Sđd, tr. 22).

²⁹ Robert Kleiner. Sđd, tr. 24.

³⁰ Trịnh Châu: Đại Tượng xuất bản xã, 2004.



Hình 7: Tị yên hồ pha lê một màu. Nguồn: Trương Vinh (2004)

- *Một màu* (一色玻璃: nhất sắc pha lê) tức là thuần một màu cho toàn thể chiếc bình, tuy có thể đậm nhạt khác nhau tùy theo độ dày, được coi là chủ lưu của đồ pha lê, là hàng chính yếu trong suốt thời Thanh.

- *Nhiều màu* (套玻璃: sáo pha lê) tức là loại pha lê có hai hay nhiều màu gắn chồng lên nhau. Việc chế tác loại này có thể gắn nhiều màu lên một cốt pha lê hay đúc nhiều lớp rồi khắc sau. Triệu Chi Khiêm (趙之謙) trong *Dũng lô nhàn cật* (勇廬閑詁) đời Quang Tự viết: *Màu chồng lên có thể hồng, có thể lam... cũng có khi chồng hai, ba, bốn, năm màu lớp nọ đè lên lớp kia. Từ đời Càn Long lại càng tinh xảo, tinh tế đến từ sợi lông, sợi tóc, rồng bay phượng múa, ngư nhạn hoa cỏ, núi non đủ trăm loại, loại nào cũng tinh diệu. Những người nổi danh được gọi là bì, nổi danh nhất có Tân gia bì, Lặc gia bì, Viên gia bì.*



Hình 8: Tị yên hồ pha lê nhiều màu. Nguồn: Trương Vinh (2004)

Theo Trương Vinh, sáo pha lê có 5 loại:

Nền toàn trắng, màu chồng lam, hồng (đỏ đậm, đỏ hồng, đỏ cam...). Loại này tương đối phổ thông.

Nền màu có chồng lên chẳng hạn nền vàng, chồng lên màu hồng, nền đen chồng lên màu hồng...

Nền màu trắng nhưng chồng lên nhiều màu, tùy loại mà hai màu, ba màu có cái đến tám màu khác nhau.

Nền nhiều màu rồi lại chồng lên nhiều màu khác.

Nền pha lê trong nhưng chồng lên nhiều màu và có thể nhìn thấu qua được.

- *Giảo pha lê* (攪玻璃) và *sái kim tinh pha lê* (洒金星玻璃) là hai loại pha lê có nhiều màu như được vẩy lên như giọt nước hoặc như quặng vàng nằm trong đá. Kim tinh pha lê có từ đời Càn Long và người ta dùng bột vàng trộn vào thủy tinh khi nóng chảy.



Hình 9: Sái pha lê và kim tinh pha lê. Nguồn: Trương Vinh (2004)

4.2.2. Đồ sứ (陶質: ceramic)

Đồ sứ là một mặt hàng nổi tiếng của Trung Hoa và triều đình Việt Nam vẫn thường đặt hàng khi cử phái đoàn sang Trung Hoa. Có lẽ việc đi sứ và đồ sứ mà chúng ta gọi có liên hệ với nhau.



Hình 10: Bình ngửi bằng sứ. Nguồn: Cornforth & Cheung (2002), tr. 114

Người Trung Hoa đã chế tạo được đồ sứ từ 4.000 năm trước và đã phát minh ra nhiều kỹ thuật mới bằng cách kết hợp hai loại nguyên liệu là kaolin và đất trắng (petuntse), nếu được nung ở nhiệt độ cao hơn 1.280°C sẽ có được sản phẩm cứng và không thấm nước. Các loại vật liệu đó lại dẻo trước khi nung nên việc nặn thành hình dạng và kích cỡ nào cũng được. Những loại sứ mỏng khi soi lên ánh sáng có thể chiếu qua.

Trung tâm sản xuất đồ sứ lớn nhất Trung Hoa là tại tỉnh Giang Tây ở một thị trấn tên là Cảnh Đức. Nơi đây có sẵn vật liệu nên hầu hết các bình ngửi làm bằng sứ chế tạo tại đây. Hầu hết các bình ngửi làm bằng sứ vào thế kỷ XIX đều là loại rẻ tiền dành cho đại chúng không mấy giá trị. Có 4 loại bình ngửi bằng sứ chính: a. Loại bình đúc khuôn có pháp lam bên ngoài; b. Loại bình đúc bằng khuôn với trang trí nổi; c. Loại bình màu xanh hay màu đồng; d. Loại khắc không tráng men hay nung lần thứ hai.

a. Loại đầu tiên là loại thông dụng nhất. Thân bình được đúc thành hai mảnh và được dán lại bằng đất. Sau đó người ta tô bên ngoài một lớp men thường là màu trắng nhưng cũng có khi màu vàng, màu xanh, hay màu đỏ. Sau đó chiếc bình được trang trí bằng pháp lam ở ngoài rồi nung lại lần thứ hai.

Trang trí các loại này cũng giống như trên bình lớn hay trên bát đĩa thường là hoa lá có viết chữ, đề thơ. Loại bình này thường làm theo bộ 10 hay 20 chiếc cùng loại và được gửi lên kinh đô bán cho quần chúng. Một số bộ loại này nay còn tồn tại và được trưng bày trong Cổ cung Bác vật viện (Đài Bắc). Các nắp đậy đều là đồ sứ giả san hô. Tuy có bình đề niên hiệu Càn Long nhưng đều là đồ làm sau này. Hầu hết đề niên hiệu Gia Khánh. Chỉ có một số ít là loại hàng cao cấp mà thôi.

Bình ngửi sứ pháp lam sản xuất nhiều đời Đạo Quang, trang trí cũng phong phú hơn thường là rồng, chim bồ câu, chó và phong cảnh. Cảnh Đức trấn bị phá hủy dưới thời loạn Thái Bình Thiên Quốc trong thập niên 1850 nhưng cũng có một số đề niên hiệu Hàm Phong. Năm 1864, các xưởng đồ sứ được tái thiết theo lệnh Thái hậu Từ Hi nên đồ sứ pháp lam đã phục hồi, tồn tại đến cuối thời Thanh.

b. Cải cách lớn cuối thế kỷ XVIII là việc người ta đã chế tạo đồ sứ nhưng lại được sử dụng giống những loại vật liệu khác như ngà, sơn mài, gỗ, san hô, lưu li. Tuy chỉ là bắt chước để làm bát đĩa, đồ dùng nhưng chính từ đó mà các bình ngửi trở thành đa dạng vô kể. Thông dụng nhất là bình được đúc theo khuôn với hình long, phượng, hổ, báo hay những nhân vật thần thoại.

Những cốt làm khuôn có lẽ dùng những chiếc bình bằng ngà. Những bình sứ sau khi đúc xong sẽ được chạm khắc lại cho tinh xảo. Hiện nay người ta tìm được rất ít đồ có niên hiệu Càn Long mà phần lớn là đóng dấu đời Gia Khánh. So sánh sản phẩm thời đó, những chiếc khuôn này được dùng đi dùng lại nhiều năm vì trong những chi tiết lưu dấu nhiều vết tích giống nhau và rõ ràng một số đã được đúc khi khuôn đã mòn.



Hình 11: Bình ngửi men lam. Nguồn: Kleiner (2010), P. W, tr. 181



Hình 12: Bình ngửi men lam. Nguồn: Perry (1960), tr. 79

Đại đa số các bình trong nhóm này thường đơn sắc màu san hô, xanh nước biển, xanh đậm hay màu ngà. Cũng có khi những bình này có pháp lang màu hồng trên màu gốc làm cốt của bình. Không thấy bình loại này đời Đạo Quang nên xem ra việc sản xuất đơn sắc đã chấm dứt trong đời Gia Khánh.

c. Thường thấy nhất trong các loại đồ sứ Trung Hoa là loại được trang trí bằng hai màu xanh trắng. Đây là phát kiến của người Trung Hoa từ đầu thế kỷ XIV là khi họ đã mua được chất cobalt oxide (瓷藍: từ lam) từ Ba Tư. Chỉ có ba loại oxides (氧化物: dưỡng hóa vật) là chịu được độ nóng cao trong tiến trình làm đồ sứ, hai loại kia là oxide đồng và oxide sắt. Tuy nhiên những người thợ làm đồ gốm ở Ba Tư áp dụng chưa thành công vì oxides có khuynh hướng bị chảy.

Người Trung Hoa tìm ra rằng nếu thêm chất cobalt vào thủy tinh đã cứng rồi đem nung lại thì có thể ngăn ngừa được nhược điểm này và thành một màu xanh tươi sáng. Cùng một cách, nếu thêm vào oxide đồng thì sẽ có màu từ xanh lục đến màu đỏ, màu xám tùy theo nhiệt độ khác nhau. Tuy kỹ thuật này chỉ được áp dụng ở thế kỷ XIX trong việc chế tạo bình ngửi nhưng người ta vẫn để niên hiệu Càn Long như thói quen của người Tàu thích ghi một dấu vết cũ hơn niên đại sản xuất.



Hình 13: Bình ngửi Cổ Nguyệt Hiên. Nguồn: Lilla Perry (1960)

Đến giữa thế kỷ XIX khi dùng bình ngửi được lan rộng trong mọi tầng lớp xã hội thì các loại bình rẻ tiền không tráng men được sản xuất với số lượng nhiều để bán cho đại chúng. Tuy nhiên vẫn có hàng men lam cao cấp ghi niên hiệu Đạo Quang, Hàm Phong, Đồng Trị, Quang Tự do tư nhân đặt làm và nhiều món còn ghi cả tên của chủ nhân.

d. Hàng không tráng men phải được nung lại thì mới đủ độ cứng. Một khuynh hướng chạm khắc đồ sứ được hình thành, có lẽ tại khu vực Cảnh Đức trấn thời Đạo Quang là giai đoạn mà người ta chế tạo nhiều món đồ sứ nhỏ dùng trong văn phòng như ống bút, bình phong để bàn, bình ngửi. Những món đồ này thường có ghi thời điểm và tên người làm của từng xưởng, từng nhóm. Đây là loại hàng được nhiều người săn lùng vì có giá trị cao.

Một loại hàng đất không tráng men khác với đồ gốm là hàng làm bằng đất sét nung với nhiệt độ thấp (khoảng từ 800-1.100⁰ C). Đây là đồ gốm Nghi Hưng ở Giang Tô vốn dĩ chuyên làm ấm trà nhỏ nhưng cũng có làm thêm một số bình ngửi. Bình ngửi Nghi Hưng không nhiều vì dễ vỡ và thường chỉ có văn nhân mới sưu tầm.

Theo những chuyên gia về đồ cổ và bình ngửi, một trong những loại hàng hiếm và quý là đồ do Cổ Nguyệt Hiên (古月軒) sản xuất. Hiện nay, phần lớn bình ngửi Cổ Nguyệt Hiên được giữ tại viện bảo tàng. Ngoài ra một số nhỏ thì lưu lạc qua Âu châu, Nhật Bản. Những chiếc bình ngửi loại này nay đã thành truyền kỳ và lẽ dĩ nhiên, rất nhiều đồ giả mạo³¹.

4.2.3. Đá quý (precious stone)

Các loại khoáng thạch cũng được dùng để làm bình ngửi nhưng nhiều nhất là nephrite (軟玉: nhuyễn ngọc), jadeite (硬玉: ngạnh ngọc) và chalcedony (玉髓: ngọc tủy).

Nephrite và jadeite thường được xếp chung vào loại ngọc (jade) nhưng thực ra đây là hai loại vật liệu khác nhau.

Nephrite tức nhuyễn ngọc là một loại silicate (矽酸鹽: tịch toan diêm) có chứa calcium, magnesium và aluminium, độ cứng vào khoảng 6,5 Mohs³². Loại này thường

³¹ Xem thêm "The Mysterious Ky Yueh Hsuan" của Lilla S. Perry trong *Chinese Snuff Bottles* (1960).

³² Mohs scale là thang để đo độ cứng của khoáng chất tính từ 1 (phấn) đến 10 (kim cương). Thạch anh vào khoảng 7, hoàng ngọc 8. Xem: *Ma thị ngạnh độ biểu* (摩氏硬度表) tại *Ngũ đại trân quý bảo thạch*

đục mờ, màu trắng sữa, quý nhất là loại hoàn toàn trắng hay vàng nhưng cũng có nhiều màu khác từ xám nhạt và đậm nhạt từ xanh lục sang đen. Ngọc đã xuất hiện và được dùng điêu khắc từ khoảng 3.500 năm trước Công nguyên ở Trung Hoa.



Hình 14: Bình ngửi bằng ngọc. Nguồn: Trương Vinh (2004)

Jadeite tức ngạnh ngọc thì là một dạng silicate chứa sodium và aluminium, cứng hơn nephrite tính theo độ Mohs (6,5-7) thường trong mờ và có những kết tinh có thể nhìn được bằng mắt thường. Màu sắc biến đổi cũng gần như nephrite nhưng quý nhất là màu xanh tảo và màu bích ngọc có giá trị không khác gì bảo thạch.



Hình 15: Bình ngửi bằng đá quý. Nguồn: Cornforth & Cheung (2002), tr. 85

Jadeite được người Trung Hoa ưa chuộng và nhập cảng từ Miến Điện vào khoảng thế kỷ XVIII, dùng làm đồ trang sức và đồ dùng nhỏ. Ngọc khí rất quan trọng đối với người Trung Hoa, quý giá còn hơn vàng hay các loại đá khác, lại được coi là linh thiêng nên vua chúa rất thích. Hoàng đế Càn Long cũng nổi tiếng là người ưa chuộng sưu tầm các loại bình ngửi quý giá bằng ngọc và đến nay người ta còn tìm thấy một số bình ngửi có mang niên hiệu Càn Long. Những bình này được chạm khắc rất tinh vi, có cái khắc những bài ngự thi hay không khắc gì cả.

Chalcedony tức ngọc tủy là tên gọi chung những khoáng liệu trong nhóm thạch anh kết tinh (cryptocrystalline quartz group). Đây chỉ là đá thường và mặc dù một số loại có

tên riêng chẳng hạn mã não (agate 瑪瑙), hồng ngọc tủy (carnelian 紅玉髓), tùng lâm thạch (dendritic 松林石). Đá này có độ cứng 6,5-7 Mohs. Vì tương đối dễ kiếm nên thạch anh được dùng để làm bình ngửi nhiều nhưng phần đông kém phẩm chất và chạm khắc cũng không đẹp.

Ngoài bình ngửi chế tạo từ Tào biện xứ nhiều nơi khác cũng làm bình ngửi nhưng chỉ có bình ngửi làm ở Tô Châu là có giá trị và thạch anh được dùng để thay thế các loại ngọc trong thế kỷ XIX.

Ngoài các loại ngọc ở trên, một số vật liệu cũng thuộc về đá được dùng làm bình ngửi, ta thấy có bích thạch hay jasper (碧玉: bích ngọc), đá kết tinh họ thạch anh (rock-crystal). Đá kết tinh đôi khi có những sợi nhỏ như sợi tóc (hair crystal) và được dùng làm các vật dụng văn phòng. Loại này hiếm và quý hơn thạch anh trong suốt và cũng có nhiều loại tùy theo màu như màu đen tourmaline (電氣石: điện khí thạch), actinolite (xanh lục) hay rutile (金紅石: kim hồng thạch).

Các loại đá được coi là không quý mấy (semi-precious stones) cũng được dùng để chế tác bình ngửi trong đó có lapis-lazuli (青金石: thanh kim thạch), malachite (孔雀石: khổng trúc thạch), tourmaline và turquoise (土耳其: thổ nhĩ kỳ [ngọc]). Ngoài ra các loại đá khác như soapstone (皂石: tạo thạch), cẩm thạch... cũng có khi được dùng.

4.2.4. Ngà (ivory)

Những chất hữu cơ từ các loài động vật được dùng để làm bình ngửi cũng đa dạng. Loại thông dụng nhất và cũng nhiều người biết nhất là ngà voi. Vào thế kỷ XIX, thống kê của cơ quan ngoại thương đường biển ở Quảng Đông cho thấy trong khoảng 5 năm từ 1868 thì có đến gần 400.000 pounds ngà voi được nhập cảng theo đường tàu biển ngoại quốc, con số cho thấy số lượng vật dụng bằng ngà voi mà Trung Hoa chế tạo to lớn là chừng nào³³.



Hình 16: Tượng Bát Tiên bằng ngà.
Nguồn: Warren Cox (1946) tr. 84

Quảng Châu là một trong những trung tâm chính điêu khắc ngà voi của Trung Hoa nổi tiếng về những tác phẩm rất chi ly, đẹp đẽ. Một bộ bình ngửi bằng ngà thường được điêu khắc vô số hình người nhỏ bé, những đài các huy hoàng và thường được khảm pháp lang bằng màu hồng để làm nổi bật những chi tiết. Những tác phẩm này phần nhiều chế tác trong thế kỷ XIX.

Tuy nhiên những tác phẩm bằng ngà tinh xảo nhất lại được sản xuất tại Tào biện xứ ở Bắc Kinh. Những người thợ khéo nhất được tuyển mộ từ Quảng Châu đưa lên kinh đô

³³ Robert Kleiner. Sđd, tr. 49. Nguồn: Hugh M. Moss. *Snuff Bottles of China* (London, 1971), tr. 28.

theo chỉ thị của hoàng đế. Những tác phẩm bằng ngà đều dùng những ngà voi thượng hảo hạng và khắc niên hiệu ở dưới đáy. Bình ngừ bằng ngà cũng còn được sản xuất ở Nhật Bản và thường được phủ bằng sơn mài nhưng mẫu mã vẫn theo kiểu Tàu và đề niên hiệu nhà Thanh nên không biết rằng những bình đó được đặt làm hay là đồ xuất cảng của Nhật vì người Nhật không có tập quán hít thuốc.

Hai loại vật liệu khá tương đồng với ngà voi là răng hải mã (walrus) và mỏ chim hornbill (*Rhinoplax vigil*) cũng được sử dụng.

4.2.5. San hô (coral)

San hô là những chất vôi đóng lại dưới biển, được tìm thấy nhiều ở Nhật Bản và người Trung Hoa đã biết đến từ gần 2.000 năm qua được coi trọng vì là một biểu tượng của trường thọ.



Hình 19: Bình ngừ bằng san hô.
Nguồn: Trương Vinh (2004)

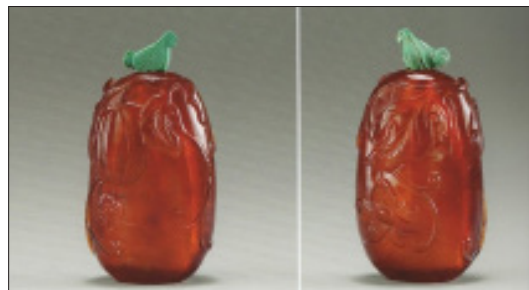
gia. Có nhiều loại san hô, từ nhạt, hồng đến đỏ sậm và thường được phủ một lớp sáp để che đậy những khuyết điểm. San hô vào thế kỷ XVIII chế tạo rất tinh xảo biểu lộ sự khéo léo của người thợ, về sau không được tinh mỹ bằng.



Hình 17: Bình ngừ bằng ngà.
Nguồn: Cornforth & Cheung (2002) tr. 163



Hình 18: Bình ngừ bằng ngà.
Nguồn: Cornforth & Cheung (2002) tr. 158



Hình 20: Bình ngừ bằng hồ phách.
Nguồn: Kleiner (2010), P. II, tr. 206

Bình ngừ bằng san hô rất hiếm và có thể chỉ được chế tạo trong nội cung cùng với những món đồ khác dành cho hoàng

4.2.6. Xà cừ (*mother-of-pearl*)

Xà cừ là những lớp phủ bên trong vỏ ốc mà người ta dùng một kỹ thuật gọi là *laque burgauté* (khảm) để dán một lớp mỏng lên các đồ vật nhỏ. Để làm bình ngửi, người ta dùng một chiếc bình sơn mài sẵn và khảm từng mảnh xà cừ nhỏ thành những hình như ý muốn. Phương pháp khảm xà cừ phát xuất từ Trung Hoa từ thế kỷ VIII nhưng lan rộng sang những vùng biển có nhiều vỏ ốc. Nhật Bản và Việt Nam rất tinh xảo trong kỹ thuật khảm xà cừ và đồ khảm của nước ta cũng nổi tiếng trên thế giới.

4.2.7. Kim loại quý (*precious metals*)

Vàng và bạc là hai kim loại được dùng làm bình ngửi nhưng tương đối hiếm hoi và phần nhiều chỉ chế tạo trong Tạo biện xứ dùng trong cung. Đồng cũng được dùng nhưng thường chỉ làm cốt lõi cho đồ pháp lang.

4.2.8. Hồ phách (*amber*)

Hồ phách (琥珀) là nhựa cây đã bị hóa thạch, có lẫn bên trong xác những con vật nhỏ hay lá cây mà nay không còn tồn tại. Hồ phách được đưa vào từ Miến Điện hay từ Nga, có màu nguyên thủy như nâu mật ong hay màu vàng kim loại. Hồ phách cũng còn được làm giả thủy tinh nhưng dễ phân biệt qua độ âm và trọng lượng.

4.2.9. Chất hữu cơ (*organic materials*)

* Sơn mài (*lacquer*)

Đồ sơn mài (漆器) đã tìm thấy trong những di chỉ của Trung Hoa ít nhất cũng từ đời Hán và phát triển trong các triều Nguyên, Minh, Thanh. Lacquer lấy từ nhựa cây sơn (*rhus vernicifera*) mọc nhiều ở nam Trung Hoa. Nhựa cây được rút qua những vết cắt trên vỏ cây rồi đắp từng lớp (*layers*) lên mặt của món đồ mình muốn làm. Việc này rất tỉ mỉ, nhiều công phu và tốn thời gian. Mỗi món sơn mài phải tốn công đắp lên khoảng 150 lớp cho đủ dày trước khi có thể khắc hình vẽ.

Màu thông dụng nhất của sơn là màu đỏ son (*cinnabar*) lấy từ thủy ngân khiến cho tươi đẹp nhưng cũng có khi dùng màu xanh lục, nâu. Bình ngửi sơn mài được chế tạo trong cung cùng với những đồ sơn mài khác như ống bút, hộp, bát, bình có phẩm chất tốt. Những hàng thương mại thường chạm khắc xấu và giòn vỡ khi để lâu.



Hình 21: Bình ngửi sơn mài đỏ và đen. Nguồn: Perry (1960) và Trương Vinh (2004)

** Đồi mồi (tortoise shell)*

Đồi mồi dễ vỡ và mỏng nên thường chỉ dùng để khảm lên trên bình bằng gỗ chứ không làm toàn bộ bằng đồi mồi. Ngoài đồi mồi một số vật liệu khác từ động vật như sừng tê, sừng hươu, sừng bò, răng hay xương cá voi... cũng có thể dùng làm bình ngửi nhưng ít thông dụng.

** Gỗ (wood)*

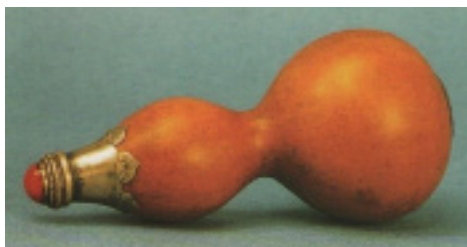
Gỗ thường bị coi là rẻ tiền nên ít người sưu tầm, cũng được coi ngang với bình ngửi làm bằng đất Nghi Hưng vào cuối thời Thanh. Có thể những bình bằng gỗ chỉ là những mẫu để trình lên nhà vua trước khi làm bằng chất liệu quý hơn chứ không phải hàng để trao đổi hay sử dụng.

** Tre trúc (bamboo)*

Tre trúc là vật liệu rất thông dụng ở Trung Hoa được dùng vào đủ loại trong sinh hoạt hàng ngày, lại coi như tượng trưng của người quân tử. Bình ngửi dùng vật liệu bằng tre có hai loại, hoặc do thân tre vót mỏng rồi dán ép lại thành khối trước khi tạc thành bình hay dùng gốc tre tiện thành bình nguyên khối.

** Bầu nhỏ (gourd)*

Trái bầu loại nhỏ nhất là loại có thắt eo như cái hồ lô được quý trọng nhất. Muốn có những trái bầu hồ lô, người ta nuôi trái trong một cái khuôn để có được hình dạng theo ý muốn. Bình ngửi hình hồ lô còn một số niên hiệu Đạo Quang.



Hình 22: Bình ngửi làm bằng quả bầu nhỏ. Nguồn: Cornforth & Cheung (2002), tr. 174



4.2.10. Linh tinh (miscellaneous)

Một số vật liệu thiên nhiên khác cũng được dùng để làm bình ngửi chẳng hạn ngọc trai, hạt trái cây, vỏ quýt, hạt đào, vỏ dừa và cả than đá. Nhiều bình bằng vật liệu thiên nhiên này vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

4.3. Những cách thức đặc biệt

Pháp lang (珐瑯) để chỉ một loại pho sản của thủy tinh (vitreous material) nhưng cũng là tên gọi những món đồ làm bằng chất liệu đó. Người Trung Hoa dùng từ (porcelain) và pháp lang (enamel) để chỉ cùng một loại tổng hợp hoá học (chemical compounds) đắp lên một cái lõi nền (vessel body), nhưng pháp lang thì dùng kim loại làm lõi còn đồ sứ thì dùng lõi bằng đất. Sau đó cái cốt này bao gồm cả lõi lẫn hoá chất được nung để cả hai gắn chặt thành một thực thể. Chính vì thế khi người Trung Hoa nói đến đồ sứ người ta không dùng riêng chữ từ (porcelain) mà phải kèm theo chữ khí (ware) hay chi tiết hơn thì kèm với chữ chén (sứ), bát (sứ), đĩa (sứ)... để khỏi lẫn lộn. Nếu như muốn miêu tả màu sắc để nhấn

mạnh vào tính mỹ thuật của món đồ thì người ta dùng màu sắc chẳng hạn: thanh từ (青瓷: celadon), đấu thái (鬥彩: enamel over underglaze blue), dứ lý hồng (釉裏紅: underglaze red), thanh hoa (青花: underglaze blue), pháp lang (琺瑯: enamel), từ khí...³⁴.

Về gốc chữ pháp lang ở đâu ra thì các chuyên gia cũng không thống nhất. Trong *Đào thuyết* (陶說), một quyển sách viết thời Thanh chép: Pháp lang (琺瑯), còn gọi là phật lang (佛郎) hay phát lang (發郎) nay gọi là phát lam (發藍), đúng ra phải là phật lâm (佛林) là tên gọi quốc gia đầu tiên đã sản xuất ra loại đồ sứ này³⁵.

Theo *Vật lý tiểu thức* (物理小識), một cuốn sách soạn cuối thời Minh thì nói rằng phật lâm được sản xuất với số lượng lớn. Những hàng này được dát bạc và vàng theo cách của Phật Lâm. Người Quảng Đông đọc “lâm” thành “lang” và từ đó đã thành hai chữ “phật lang”. *Đường thư* nhắc đến Phật Lâm thì gọi là “Đại Tần” (大秦) là tên để chỉ đế quốc Đông La Mã (Eastern Roman Empire)³⁶.

Như thế các tên *phật lang*, *phát lam*, *phát lang* đều là tiếng dịch theo âm và đọc lên gần giống nhau. Hiện nay có hai giả thuyết về vấn đề này. Một số học giả thì cho rằng pháp lam hay những tiếng nêu trên là tiếng đọc trại đi của phật lâm, bắt nguồn từ người nói tiếng Quảng Đông đã đọc lâm thành lang. Quảng Châu là cửa biển ở phía nam Trung Hoa, nơi có nhiều liên hệ với bên ngoài hơn mọi nơi khác. Sau đời Càn Long, hàng pháp lam đã phát triển nhanh chóng. Các nước Anh, Pháp và quốc gia Âu Tây đều đến Quảng Đông để buôn món hàng này và bị ảnh hưởng bởi giọng nói Quảng Đông nên đã gọi kỹ thuật và hàng sứ này là pháp lam (*Fa lang ware*).

Theo điển tịch ghi nhận (*Hán thư*, *Ngụy lược*, *Đường thư*) thì nước Phật Lâm chính là đế quốc Đông La Mã.

Một giải thích thứ hai của một nhóm học giả khác cho rằng pháp lang là một sản phẩm của nước Đại Thực (大食) tức nước Quỷ (鬼國) theo cách gọi của người Trung Hoa. Người Hi Lạp gọi quân sĩ của đế quốc Đông La Mã. Người Hi Lạp gọi thành phố Constantinople với một cái tên khác là Polin để biểu tượng sự huy hoàng của kinh đô và tôn xưng là Istanpolin, cũng là một tên gọi khác của Byzantium. Người Trung Hoa phiên âm Byzantium là Phật Lang Ky (佛郎機) nên pháp lang là nói tắt của Phật Lang Ky. Ảnh hưởng và thế lực của đế quốc Đông La Mã mở rộng ra tới Arabia và thế lực đế quốc Byzantine có nhiều giao lưu văn hóa với Arabia nên kỹ thuật làm đồ pháp lang là do người Ả Rập (tức Đại Thực hay Quỷ quốc) mang sang Trung Hoa.

Những giả thuyết nêu trên không có giả thuyết nào chắc chắn nhưng có một điểm chung ấy là đồ pháp lang là từ phương Tây truyền sang. Theo Lilla S. Perry, một chuyên gia và cũng là một nhà sưu tầm bình ngữ nổi tiếng thì đồ pháp lang chỉ được nhập cảng

³⁴ National Palace Museum (Taipei). *Masterpieces of Chinese Enamel Ware in the National Palace Museum* (故宮琺瑯器選萃). (Taipei: National Palace Museum, 1971), tr. 54 và 114.

³⁵ *Masterpieces of Chinese Enamel Ware*. Sđd, tr. 56.

³⁶ *Masterpieces of Chinese Enamel Ware*. Sđd, tr. 117.

vào Trung Hoa từ đời Thanh và có ba loại khảm pháp lang (cloisonné), khắc rãnh phủ men rồi nung lên (champlevé) và vẽ bằng sơn (painted enamels). Người Trung Hoa gọi loại vẽ hình này là đồ sứ ngoại quốc³⁷.

4.3.1. Pháp lang (Enamel)



Hình 23: Pháp lang pha lê. Nguồn: Trương Vinh (2004)

Đồ pháp lang dù theo cách thức nào thì cũng đều có một điểm chung. Ấy là dùng một loại vật liệu khác hợp nhất với một cái lõi bằng kim loại, thủy tinh hay bằng sứ. Vật liệu dùng để phủ pháp lang lên trên phải trơn như pha lê, nhẵn như ngọc, bóng như đá quý và tinh tế như đồ sứ.

Chế tạo đồ pháp lang được phát triển từ ngành khảm và loại công nghệ này đã xuất hiện từ ngành làm thủy tinh cổ thời tại Tây phương. Đồ pháp lang vì thế tổng hợp cả nghệ thuật của người thợ luyện kim (metallurgist), người thợ đồng (coppersmith), người thợ vẽ (painter) và người thợ chạm (engraver), đồng thời pha trộn phương pháp dung luyện thủy tinh (glass smelting) và nghệ thuật khảm nạm (inlay work).

Theo Trương Vinh, số lượng bình ngửi pháp lang còn giữ trong Cổ cung Bác vật viện (Bắc Kinh và Đài Bắc) rất đa dạng, dùng pha lê làm lõi, ngoài hình tròn ra còn hình tám cạnh, hình trụ, hình vuông, hồ lô, đèn lồng... đủ loại. Hình vẽ trên đó cũng cực kỳ phong phú và tinh vi.

4.3.2. Cảnh thái lam (Cloisonné)

Cloisonné Enamels là tên những sản phẩm gọi là đồ cảnh thái lam (景泰藍) hay khấp ti (掐絲) được coi như một đóng góp độc đáo của người Trung Hoa và theo thời gian cảnh thái lam được coi như tiêu chuẩn thế giới khi lượng giá loại sản phẩm này.



Hình 24: Bình ngửi pháp lang. Nguồn: Kleiner (1994), Plate 3

³⁷ Lilla S. Perry (1967). *Chinese Snuff Bottles - The Adventures & Studies of a Collector*, tr. 144.

Pháp lam cảnh thái là kỹ thuật dùng cốt đồng nên thường được mệnh danh là *đồng thai kháp ti pháp lang* (銅胎掐絲琺瑯) hay *khảm pháp lang* (嵌琺瑯) cũng có khi gọi tắt là *pháp lam* (珐藍). Để thực hiện kỹ thuật này, người thợ dùng một cốt bằng đồng, vẽ tất cả các chi tiết bằng đường mảnh rồi khắc sâu và khảm một sợi dây kim loại lên đó, sau đó mới đổ bột enamel lên theo đúng màu sắc mà họ muốn rồi làm cho dính vào trước khi nung. Đồ pháp lam được nung ở ngoài đất trông và ngọn lửa được kiểm soát cho đúng mức. Đồ pháp lam phải nung vài ba lần và khi nguội thì chà bằng than. Những chỗ không ưng ý phải mạ bằng màu.

Trong cách kháp ti thì những chỗ khắc lõm sẽ được tô màu còn vẽ bằng sơn thì cũng như cách thức ở châu Âu. Cốt bình bằng đồng được tráng men và vẽ hình trước khi nung. Vì đồng mềm nên sơn ăn xuống và hình vẽ cũng thường là nhân vật, phong cảnh Tây phương.

4.4. Vẽ trong bình (nội họa)



Hình 25: Bình ngời vẽ từ bên trong. Nguồn: Cornforth & Cheung (2002), tr. 180

Một hình thức đòi hỏi khéo léo và nhiều công phu là thay vì vẽ ở bên ngoài, người họa sĩ phải dùng một cây bút cực mảnh mai để cho vào miệng bình rồi vẽ từ bên trong thành một bức tranh cũng đẹp và sắc sảo không khác gì vẽ từ bên ngoài. Lẽ dĩ nhiên vật liệu chế tác phải là loại trong suốt thì mới nhìn thấy được. Theo một số tài liệu thì kỹ thuật này khởi đầu từ đời Gia Khánh (1796-1820) nhưng cũng bị phi bác với lý do là tuy có tìm thấy hai chiếc bình đề năm Gia Khánh 15 và Gia Khánh 21 nhưng chỉ sau đến 50 năm người ta mới lại thấy xuất hiện kỹ thuật này.

Do đó các sử gia cho rằng hai chiếc bình này niên đại không thật vì đời Gia Khánh và những đời sau kỹ thuật chế tác tỳ yên hồ rất phát triển, không lý gì một kỹ thuật độc đáo như thế lại không tiếp tục. Việc dùng niên hiệu chế tác đề trên bình chỉ có giá trị tương đối và không hiếm vật dụng được ghi cổ hơn niên đại thực chế để đánh lừa người sưu tầm. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều đồng ý, kỹ thuật vẽ trong bình chỉ khởi đầu khoảng đời Quang Tự.

Cuối thời Thanh, nội họa danh gia có những người nổi tiếng hơn cả là Mã Thiệu Tuyên (馬少宣), Diệp Trọng Tam (葉仲三), Chu Lạc Nguyên (周樂元) được người đời

tôn xưng Mã là “đăng đường nhập thất”, Diệp là “nhã tục cộng thưởng” còn Chu là “dương xuân bạch tuyết” đều là những lời lẽ ca tụng cả³⁸.

Người Trung Hoa chia ra làm 5 phái trong kỹ thuật vẽ bên trong bình bao gồm: Lỗ phái (魯派), nhân vật tiêu biểu là Trương Quảng Khánh (張廣慶); Ký phái (冀派), nhân vật tiêu biểu là Vương Tập Tam (王習三); Kinh phái (京派), nhân vật tiêu biểu là Diệp Chú Anh (葉樹英); Việt phái (粵派), nhân vật tiêu biểu là Ngô Tùng Linh (吳松齡); và Tần phái (秦派), nhân vật tiêu biểu là Trương Thiết Sơn (張鐵山).



Hình 26: Bình ngửi vẽ từ bên trong. Nguồn: Trương Vinh (2004)

Hiện nay nhân vật nổi danh trong phương pháp vẽ trong bình thì có Sách Chấn Hải (索振海) là người dung hòa cả vẽ bên trong lẫn vẽ bên ngoài tạo thành một trường phái mới trong ngành vẽ tị yên hồ.

Kết luận

Sử sách nước ta không thấy chép rõ ràng những tặng phẩm mà nhà Thanh ban cho mỗi lần sang Trung Hoa. Tuy nhiên, trong đáng án nhà Thanh, những chi tiết về các món ban thưởng còn ghi chép khá đầy đủ và vì thế có cơ hội khôi phục lại một số hoạt động tưởng như không hề tồn tại. Theo Trang Cát Phát, tị yên hồ là một tặng phẩm quan trọng mà nhà Thanh ban cho phiên thuộc, không phải như những hàng hóa bình thường mang tính thông lệ mà là một dấu hiệu để xác định sự “đôn mục” (敦睦) có nghĩa là thân thiện, hòa mục giữa hai nước. Nói như thế, bình ngửi có thể đối với nước ta không có gì trọng thị nhưng thực ra trong những biểu tượng ngoại giao, đây là một cử chỉ được đánh giá rất cao.

Bình thuốc để ngửi (tị yên hồ) không phải là một sản phẩm mà người viết đề tâm đến nếu không vì một sự tò mò khi nghiên cứu sử sách. Cho đến nay, dường như số người Việt sưu tầm hay nghiên cứu về món đồ này còn hiếm hoi nên chính các học giả Viện Sử học đã dịch là “*điều sứ hút thuốc*” như chúng tôi đã nhắc đến trong phần mở đầu. Có lẽ đây cũng

³⁸ Đăng đường nhập thất (登堂入室) là tiến lên đến chỗ cao thâm; nhã tục cộng thưởng (雅俗共賞) là người sang người hèn gì cũng đều thích thú; dương xuân bạch tuyết (陽春白雪) là tác phẩm cao thâm tao nhã.

là một tập tục không được nhập cảng từ Trung Hoa mặc dù rất thịnh hành dưới thời Thanh. Cũng nên thêm, tuy lịch sử bình ngửi đã xuất hiện từ lâu nhưng cũng chỉ đến cuối thế kỷ XIX mới thành một phong trào quần chúng.

Vào giai đoạn đó, người Việt đã bắt đầu ngả sang du nhập phong khí Tây phương và đi theo những sinh hoạt mà người Pháp mang đến hơn là bắt chước Trung Hoa. Và lại, việc hút thuốc láo, thuốc lá của người Việt cũng đã tạo được những phong cách riêng như điều bát cho giới thượng lưu, điều cày cho giới bình dân nên không có một trào lưu nào chạy theo các sinh hoạt của Trung Hoa cuối thế kỷ XIX.

Ngược lại, việc sưu tầm bình ngửi ngày nay vẫn hiện hữu tại cộng đồng người Trung Hoa và một số người ngoại quốc thích sưu tầm. Số bình ngửi rất phong phú được trưng bày trong các bảo tàng viện của đại lục hay Đài Loan cho thấy món hàng này vẫn được ưa chuộng trong giới thượng lưu. Cũng thật ngạc nhiên khi Mao Trạch Đông đã đích thân trông coi việc thành lập các cơ xưởng sản xuất bình ngửi trong kỳ Cách mạng văn hóa cuối thập niên 1960, đầu thập niên 1970. Người ta nghĩ rằng họ Mao đã muốn dùng bình ngửi như một phương tiện thúc đẩy cho tuyên truyền và chủ thuyết Mao, là biểu tượng của lao động để đi tới tận thiện tận mỹ trong phục vụ quốc gia. Bình ngửi cũng là một niềm tự hào dân tộc và phản ánh công trình tinh mỹ để phô trương với bên ngoài³⁹. Tuy nhiên, việc khôi phục đó không thành công vì thói quen hít thuốc nay không còn và chủ yếu bình ngửi chỉ được tiêu thụ như một món đồ kỷ niệm khi thăm viếng Hoa lục.

Người ta bảo rằng sản xuất bình ngửi cũng là một nguồn hứng khởi cho người Trung Hoa ở hải ngoại và quốc nội, tuy không tạo những tiếng vang đáng kể nhưng cũng đã có thời được nhiều người lưu tâm. Một trong những lý do là việc hít thuốc bột sau những khoa trương phóng đại thì cũng là một chất liệu liên quan đến sức khỏe. Nếu khói thuốc lá có thể gây bệnh ung thư thì việc hít thẳng bột thuốc vào phổi hẳn là tệ hại hơn mà việc sưu tầm một món đồ thường phải liên quan đến công dụng của nó chứ không chỉ vì hình dáng hay công phu chế tạo. Có lẽ vì thế mà nhiều người thích ẩm đất tử sa hơn bình ngửi chẳng?

N D C

³⁹ Trevor Corforth & Dr. Nathan Cheung (2002). *Chinese Snuff Bottles: A guide to Addictive Miniatures*, tr. 19-20.